

Khung trái phiếu xanh của Techcombank



TECHCOMBANK
GREEN BOND
FRAMEWORK

Techcombank
Green Bond Framework

01. Giới thiệu về Techcombank	04
02. Định hướng của Techcombank về phát triển bền vững	08
2.1. Hướng tiếp cận ESG của Techcombank	09
2.2. Đánh giá mức độ trọng yếu	14
2.3. Các sáng kiến đã triển khai để hỗ trợ chiến lược ESG tại Techcombank	17
2.4. Tín dụng xanh	21
2.5. Các biện pháp bảo vệ xã hội và đóng góp cộng đồng	22
2.6. Các trọng tâm ESG trong năm 2024	24
03. Khung quản trị bền vững của Techcombank	26
3.1. Khung quản trị và cơ cấu ESG	27
3.2. Hệ thống quản trị môi trường xã hội	29
3.3. Báo cáo về phát triển bền vững	30
04. Khung Trái Phiếu Xanh của Techcombank	31
4.1. Mục đích sử dụng vốn	33
4.2. Quy trình đánh giá và lựa chọn dự án	34
4.3. Quản lý nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu	38
4.4. Báo cáo	40
05. Đánh giá bên ngoài	42
5.1. Ý kiến bên thứ 2 (SPO)	43
5.2. Đánh giá sau phát hành	43
PHỤ LỤC I: TIÊU CHUẨN DỰ ÁN ĐỦ ĐIỀU KIỆN	44
PHỤ LỤC II: CÁC TIÊU CHÍ LOẠI TRỪ	59
PHỤ LỤC III: CÁC LĨNH VỰC TÁC ĐỘNG VÀ VÍ DỤ VỀ CHỈ SỐ BÁO CÁO TƯƠNG ỨNG	63

01. About Techcombank	04
02. Techcombank and Sustainability	08
2.1. ESG approach of Techcombank	09
2.2. Materiality Assessment	14
2.3. Existing initiatives to support ESG strategy at Techcombank	17
2.4. Green credit	21
2.5. Social safeguards and giving back to community	22
2.6. Our ESG focus areas for 2024	24
03. Techcombank's sustainability governance framework	26
3.1. ESG governance framework & structure	27
3.2. Environmental and social management system	29
3.3. Sustainability reporting	30
04. Techcombank's Green Bond Framework	31
4.1. Use of proceeds (UOP)	33
4.2. Project Evaluation and Selection Process	34
4.3. Management of bond proceeds	38
4.4. Reporting	40
05. External Review	42
5.1. Second Party Opinions (SPO)	43
5.2. Post-issuance review	43
APPENDIX I: CRITERIA FOR ELIGIBLE PROJECTS	44
APPENDIX II: EXCLUSIONS	59
APPENDIX III: FIELDS OF IMPACT AND EXAMPLES OF CORRESPONDING REPORT INDICATORS	63

Giới thiệu về Techcombank

About Techcombank

1. Giới thiệu về Techcombank

1. About Techcombank

Được thành lập vào năm 1993, khi Việt Nam bắt đầu chuyển đổi từ nền kinh tế tập trung sang nền kinh tế định hướng thị trường, Techcombank đã phát triển không ngừng trong 30 năm qua để trở thành Ngân hàng lớn thứ hai về lợi nhuận tại Việt Nam, với vốn hóa 5 tỷ USD và lợi nhuận trước thuế trên 1 tỷ USD – một thành công được Techcombank ươm mầm từ chiến lược tập trung giải quyết nhu cầu luôn thay đổi của khách hàng.

Tới thời điểm hiện tại, Techcombank đang cung cấp đa dạng sản phẩm dịch vụ tới hơn 13,4 triệu khách hàng cá nhân và doanh nghiệp tại Việt Nam, thông qua mạng lưới gồm một trụ sở chính, hai văn phòng đại diện, 299 điểm giao dịch tại 46 tỉnh thành trên cả nước và 3 công ty con, đáp ứng nhu cầu của khách hàng về các dịch vụ Ngân hàng cũng như quản lý tài sản.

Xác định tầm nhìn “Chuyển đổi ngành tài chính, nâng tầm giá trị sống” phát huy trọn vẹn tiềm năng của mỗi cá nhân, Techcombank cam kết không ngừng mang đến những giá trị lớn hơn cho khách hàng và cổ đông; đáp ứng nhu cầu thay đổi mỗi ngày bằng cách tập trung vào các giải pháp tiên phong, trở thành đối tác tài chính tin cậy của mọi khách hàng. Techcombank mang sứ mệnh dẫn dắt hành trình số hóa của ngành tài chính, tạo động lực cho mỗi cá nhân, doanh nghiệp và tổ chức phát triển bền vững và bứt phá thành công.

Founded in 1993, when Vietnam began its transition from a centrally planned economy to a market-oriented economy, Techcombank has developed continuously over the past 30 years to become the second largest bank in terms of profits, with capitalization of ~USD 5 billion and profit before tax of more than USD 1 billion - a success driven by our strategy of focusing on the ever-changing needs of customers.

To date, Techcombank has been providing a broad range of products and services to more than 13.4 million retail and corporate customers in Vietnam. Our extensive network, including one head office, two representative offices, 299 transaction offices in 46 provinces and cities across the country, and 3 subsidiaries, satisfies customers' needs for banking and wealth management services.

With the vision of “Change banking, change lives” to uplift and realize the potential of each individual, Techcombank commits to bringing greater value to customers and shareholders; focusing on pioneering solutions to meet customer needs and become the trusted financial partner of every customer. Techcombank carries the mission of leading the digital journey of the financial industry, enabling each individual, business, and organization to progress and thrive sustainably.

“

Chuyển đổi ngành tài chính,
nâng tầm giá trị sống

Change banking, change lives

Tóm tắt chặng đường lịch sử:

Summary of the journey:

▶ **1993** Thành lập với vốn điều lệ 20 tỷ đồng
Established with a charter capital of VND 20 billion ~ USD 0.8 million

2006 Tham gia “câu lạc bộ” các Ngân hàng có tài sản trên 1 tỷ USD
Joined the "club" of banks with total bank assets of over USD 1 billion

2009 Hợp tác với McKinsey - tập đoàn tư vấn chiến lược hàng đầu thế giới, tham gia xây dựng chiến lược kinh doanh và văn hoá doanh nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế.

Partnered with McKinsey – a global leading strategic consulting firm to develop business strategies and corporate culture of international standards

2017

- Ngân hàng đứng đầu về chỉ số tín nhiệm tương đương mức “trần xếp hạng tín nhiệm quốc gia” do S&P công bố. Đứng đầu về chỉ số gắn kết (EES) do cán bộ nhân viên bình chọn và đứng Top 2 Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam ngành tài chính Ngân hàng

- Ghi dấu ấn biểu tượng Kết nối cộng đồng với Giải Marathon Quốc tế Thành phố Hồ Chí Minh Techcombank.

- Received S&P's highest credit rating in Vietnam (equivalent to sovereign rating). Voted by Techcombank employees as having the best HR and most engaged employees (EES) and as the second-best place to work in Vietnam's banking and finance sector

- Held the inaugural Techcombank Ho Chi Minh City International Marathon

2018 Chính thức niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, với mã cổ phiếu TCB, giá trị vốn hóa tại thời điểm niêm yết là 6,5 tỷ USD. Top 3 thương vụ IPO lớn nhất thị trường Đông Nam Á năm 2018. Là Ngân hàng cổ phần tư nhân đầu tiên vượt mức lợi nhuận 10.000 tỷ đồng.

Listed on Ho Chi Minh City Stock Exchange (ticker TCB) – with a market capitalisation of USD 6.5 billion. South East Asia's third-largest IPO in 2018. The first private joint-stock bank to exceed profits of VND 10,000 billion ~ USD 400 million.

2019 Đứng đầu ngành Ngân hàng về hiệu quả hoạt động, vượt mục tiêu trước 2 năm. Có nền tảng nhân sự xuất sắc với chỉ số OHI và EES ở mức kỷ lục. Chính thức áp dụng chuẩn Basel II từ 1/7/2019, tỷ lệ CAR luôn ở mức cao gấp đôi so với chuẩn yêu cầu của NHNN.

Became the leading bank for operating efficiency, two years faster than planned. Sustained excellent HR background with record OHI and EES indicators. Officially adopted the Basel II requirements from 1/7/2019, with CAR doubling the SBV's requirements.

2020 Tỷ lệ CASA 46,1% đứng số 1 thị trường - tổng huy động CASA lần đầu tiên vượt 100.000 tỷ đồng. ROA cao nhất toàn ngành Ngân hàng, ở mức 3,1%.

Secured the No.1 current account savings account (CASA) position with a CASA ratio of 46.1%, and the total CASA balance exceeded VND 100,000 billion ~ USD 4 billion for the first time. Highest ROA in the entire banking industry, at 3.1%.

2021 Ngân hàng tư nhân đầu tiên tại Việt Nam gia nhập “câu lạc bộ” tỷ đô với Lợi nhuận trước thuế đạt hơn 23,2 ngàn tỷ đồng.

The first privately owned bank in Vietnam to join the 'billion-dollar club' with a PBT of VND 23.2 trillion (~ USD 1 billion)

2022

- Hoàn thành huy động khoản vay hợp vốn trị giá 1 tỷ USD.

- #1 về khối lượng thanh toán ở tất cả các loại thẻ; #1 về số lượng thẻ phát hành mới.

- Successfully closed a USD 1 billion syndicated loan.

- Secured the #1 position in payment volume across all cards and the #1 position in the number of newly issued cards.

2023

- Xếp hạng Top 163 Ngân hàng Giá trị nhất Toàn cầu 2023, với giá trị thương hiệu được định giá 1,4 tỉ USD theo The Brand Finance.

- Thu hút 2,6 triệu khách hàng mới, cao nhất trong lịch sử Ngân hàng

- #1 về thu nhập từ hoạt động dịch vụ (NFI), chiếm ~15% thị phần NFI trong số các Ngân hàng niêm yết.

- Ranked Top 163 Global Banking 2023, with brand value reaching USD 1.4 billion – The Brand Finance

- Acquired 2.6 million new customers, the highest in the history of the Bank.

- #1 position in Net Fee Income (NFI) with an NFI market share of ~15% among listed banks.





Định hướng của Techcombank về phát triển bền vững

Techcombank and Sustainability

❖ | 2. Định hướng của Techcombank về phát triển bền vững

2. Techcombank and Sustainability

2.1 Hướng tiếp cận ESG của Techcombank

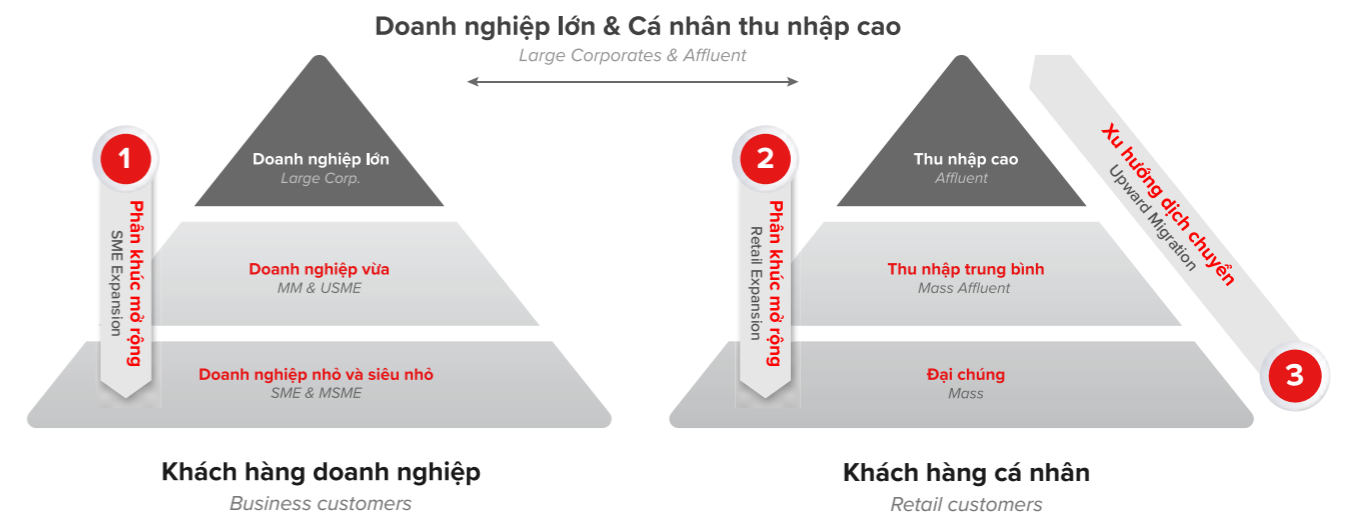
2.1 ESG approach of Techcombank

Được dẫn dắt bởi tầm nhìn của Ngân hàng về “Chuyển đổi ngành tài chính, nâng tầm giá trị sống”, cùng với sứ mệnh dẫn đầu quá trình chuyển đổi số của ngành tài chính, giúp khách hàng cá nhân và doanh nghiệp không ngừng phát triển bền vững, Techcombank đang nỗ lực không ngừng để tạo ra giá trị bền vững cho khách hàng và đối tác.

Chiến lược ESG của Techcombank gắn liền với chiến lược kinh doanh hiện tại, đó là mở rộng hoạt động kinh doanh từ phân khúc Khách hàng thu nhập cao và Doanh nghiệp lớn sang phân khúc Khách hàng thu nhập khá và trung bình đối với khách hàng cá nhân và sang phân khúc Doanh nghiệp vừa và nhỏ đối với doanh nghiệp, tận dụng năng lực dữ liệu và kỹ thuật số hàng đầu trong ngành.

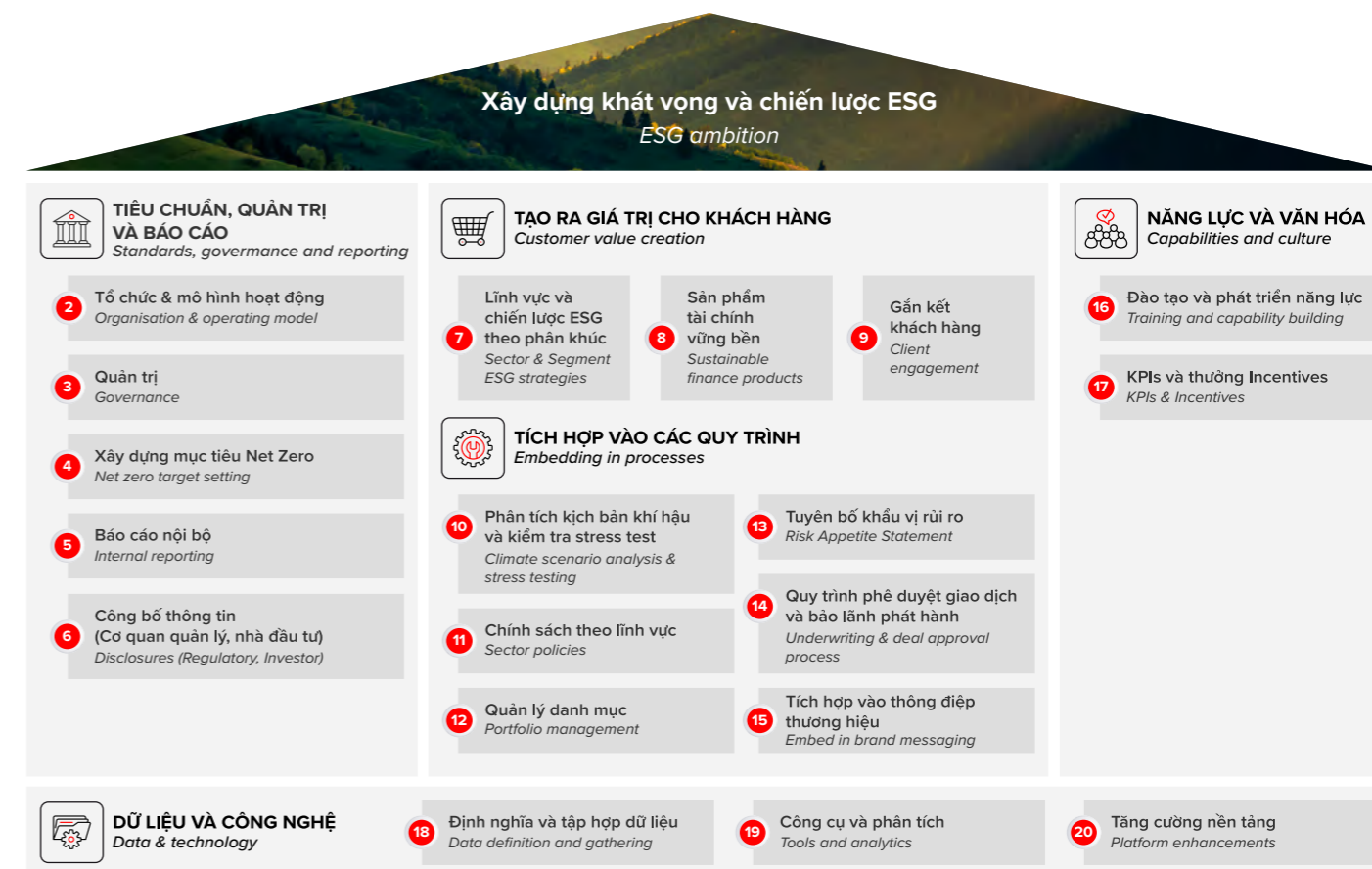
Led by our vision of “Change banking, Change lives, Uplifting everyone to reach their full potential” and our mission to lead the digital transformation of the banking industry, as well as to enable individuals, businesses and corporations to progress and thrive sustainably, the Bank seeks to create value for all stakeholders in a sustainable way.

Techcombank’s ESG strategy is closely linked to our business strategy, which is to expand our business from Affluent Retail Customers and Large Corporates into Mass Affluent and Emerging Mass Affluent Retail Customers and Small and Medium Enterprises, leveraging our industry leading digital and data capabilities.



ESG được tích hợp vào chiến lược kinh doanh dài hạn của chúng tôi thông qua một khuôn khổ toàn diện bao gồm năm trụ cột chính (hình bên dưới). Trong quá trình xây dựng chiến lược ESG của Techcombank, chúng tôi tích hợp nội dung từ các chính sách quan trọng của Chính phủ bao gồm Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050, Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2025, Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050 và Quyết định của NHNN về Kế hoạch hành động của ngành Ngân hàng thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030.

ESG is integrated into our long-term business strategy via a comprehensive framework consisting of five key pillars (see figure below). In developing TCB's ESG strategy, we are influenced and inspired by key government policies including the National Climate Change Strategy until 2050, National Environmental Protection Strategy until 2030 and vision for 2025, National Green Growth Strategy for 2021 – 2030, with a vision for 2050 and the SBV Decision on Action Plan of the Banking Industry to implement the National Green Growth Strategy for 2021-2030.



TẦM NHÌN

VISION

Chuyển đổi ngành tài chính, nâng tầm giá trị sống.

Thúc đẩy mỗi người khai phá tiềm năng và doanh nghiệp phát triển bền vững

Change banking, Change lives. Uplifting everyone to reach their full potential.



SỨ MỆNH

MISSION

Dẫn đầu quá trình chuyển đổi số của ngành tài chính, tạo điều kiện cho cá nhân và doanh nghiệp phát triển bền vững.






Lead the digital transformation of the financial industry, enabling individuals, businesses and corporations to progress and thrive sustainably.

Techcombank đã xác định rõ ràng các cấu phần chính của chiến lược ESG và đang xây dựng chiến lược này một cách có hệ thống theo nhu cầu của khách hàng cũng như sự thay đổi của môi trường pháp lý.

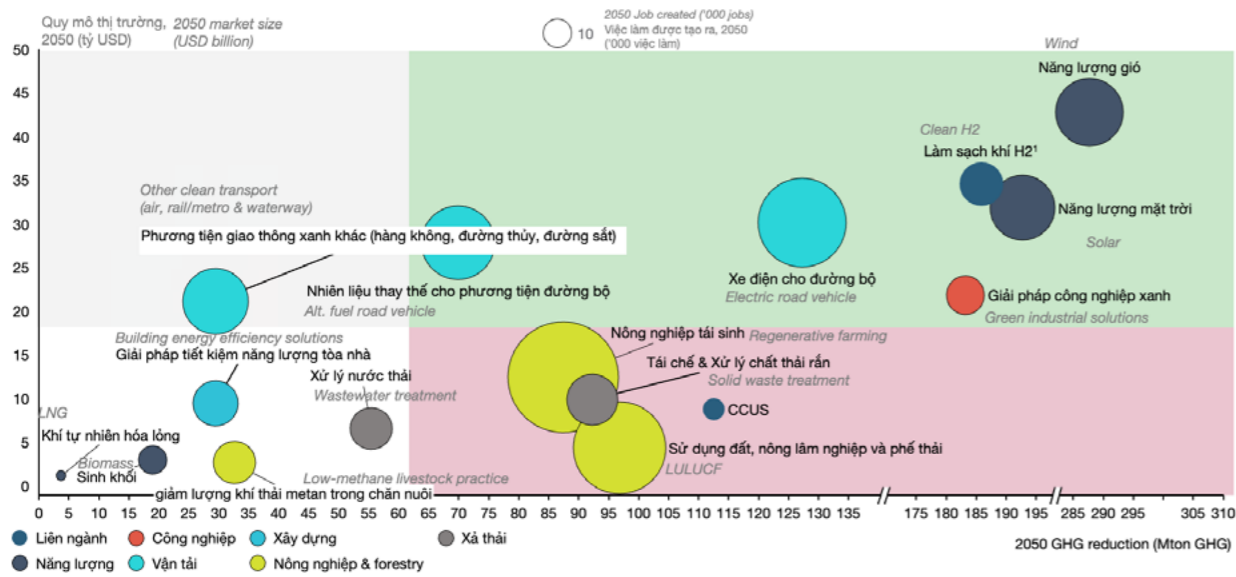
We have clearly defined the key components of TCB's ESG strategy and are systematically building this out in line with our customer needs and evolving regulatory environment.

Từ khía cạnh của khách hàng, Ngân hàng xác định các ngành trọng điểm dự kiến sẽ tăng trưởng khi nền kinh tế phát triển. Năng lượng tái tạo - gió & mặt trời, Giao thông sạch, Công nghiệp xanh và Hydro sạch là bốn ngành trọng điểm dự kiến sẽ tăng trưởng nhanh khi Việt Nam phát triển Nền kinh tế xanh và do đó là các ngành ưu tiên mà Techcombank sẽ tập trung vào để hỗ trợ Kế hoạch tăng trưởng xanh của Việt Nam.

From customers' perspective, Techcombank has identified key sectors that are expected to grow as Vietnam economy develops. Renewable energy - wind & solar, Clean transport, Green industries and Clean hydrogen are four key sectors expected to grow rapidly as Vietnam develops its Green Economy and therefore are priority sectors that TechcomBank will focus on to support the Green Growth Plan of Vietnam.

 KHÁCH HÀNG <small>CUSTOMERS</small>	 CỔ ĐÔNG <small>SHAREHOLDERS</small>	 NHÂN VIÊN <small>EMPLOYEES</small>	 QUY ĐỊNH <small>REGULATION</small>	 THỰC TIỄN XÃ HỘI VÀ NỘI BỘ <small>SOCIAL AND INTERNAL PRACTICE</small>
<p>Hỗ trợ khách hàng phát triển bền vững hơn và tích hợp phát triển bền vững vào các giải pháp tài chính và cơ hội đầu tư.</p> <p><i>Support our clients to be more sustainable and integrate sustainability into financing solutions and investment opportunities.</i></p>	<p>Cung cấp giá trị dài hạn và duy trì lợi ích cho cổ đông (ví dụ tăng trưởng ROE bền vững).</p> <p><i>Deliver long-term value and uphold shareholder interests (e.g. sustainable ROE growth).</i></p>	<p>Thúc đẩy môi trường làm việc đa dạng và toàn diện, nơi nhân viên được khuyến khích đóng góp vào các mục tiêu và sáng kiến ESG của Ngân hàng.</p> <p><i>Foster an inclusive and diverse workplace where employees are encouraged to contribute to our ESG goals and initiatives</i></p>	<p>Tuân thủ các quy định và vượt quá các tiêu chuẩn này bằng cách áp dụng các phương pháp tốt nhất trong ESG.</p> <p><i>Comply with regulatory requirements and strive to exceed these standards by adopting best practices in ESG.</i></p>	<p>Triển khai các chính sách và thực tiễn nội bộ giúp giảm thiểu ô nhiễm môi trường, đồng thời thúc đẩy phúc lợi xã hội.</p> <p><i>Implement internal policies and practices that reduce our environmental footprint and promote social welfare</i></p>





4 lĩnh vực trọng điểm đáp ứng tốt nhất ba mục tiêu tăng trưởng xanh

4 key sectors best meeting the triple objectives for green growth

- Năng lượng tái tạo: gió và mặt trời (Renewable energy: wind and solar)
- Khí hydro sạch (Clean hydrogen)
- Giao thông xanh: EV và nhiên liệu thay thế (Clean transport: EV and alt. clean fuels)
- Công nghiệp xanh (Green industries)

Đến năm 2050, 4 lĩnh vực này chiếm

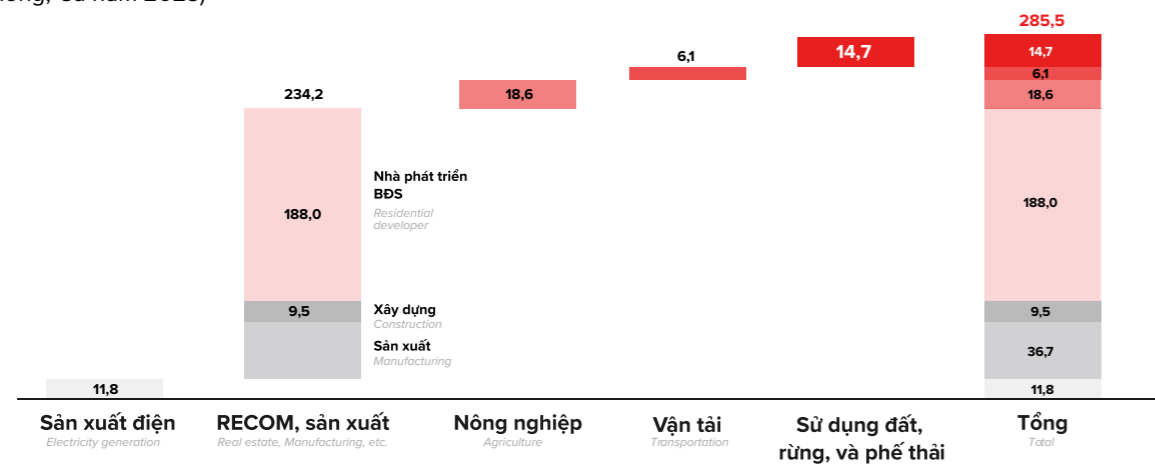
- 70%** GDP xanh (~\$200 tỷ 2050) / Of green GDP | ~\$200 B in 2050
- 300k - 400k** Việc làm trực tiếp (30-40% việc làm xanh) / Direct jobs | 30-40% of total green jobs
- 65%** Tổng GHG cần giảm đối với NZE (Of total GHG needed to reduce for NZE)

Ngoài ra, danh mục hiện tại của Techcombank bao gồm nhiều khách hàng thuộc các lĩnh vực chịu tác động của các chính sách Xanh và kế hoạch chiến lược phát triển Xanh, chiếm khoảng 54% danh mục cho vay. Cơ cấu này cho thấy một lượng lớn khách hàng doanh nghiệp có nhu cầu mạnh mẽ về các giải pháp Xanh từ các Ngân hàng. Với chiến lược khách hàng là trọng tâm, Techcombank đang tích cực thu hút những khách hàng này để hiểu rõ hơn về các thách thức liên quan đến ESG và cung cấp các giải pháp phù hợp.

Dư nợ tín dụng KHDN của TCB trong những lĩnh vực kinh tế chịu ảnh hưởng của ESG – Cuối kì (Nghìn tỷ đồng, Cả năm 2023)

In addition, Techcombank's current customer portfolio has significant exposure to sectors which are impacted by Green policies and Green growth strategy with ~54% of our loan portfolio currently under such sectors. Thus, a huge number of corporate customers have a strong demand for Green solutions from banks. Given our customer-centric approach, we are actively engaging these customers to better understand their ESG related challenges and provide them with appropriate solutions.

TCB corporate lending exposure to ESG impacted sectors - EOP (VND Tr, EOP 2023)



*Dư nợ cho vay cuối kì của WB và BB / *WB and BB EOP outstanding loan balance



Từ góc độ nhà đầu tư và cổ đông, Ngân hàng đặt mục tiêu duy trì vị thế dẫn đầu thị trường về vốn, thanh khoản và tỷ lệ đòn bẩy dựa trên tăng trưởng kinh doanh bền vững và trách nhiệm xã hội. Khung quản lý rủi ro toàn Ngân hàng được kết hợp để giúp Techcombank đi đúng hướng trong việc thực hiện các mục tiêu của mình. Nhờ xây dựng, tuân thủ và liên tục tinh chỉnh khung quản lý rủi ro, Techcombank đã thuyết phục thành công các tổ chức cho vay khó tính nhất có yêu cầu khắt khe nhất về môi trường và xã hội trong các đợt huy động vốn quốc tế, đặc biệt là vào năm 2020 (500 triệu USD), 2021 (800 triệu USD) và 2022 (1 tỷ USD).

From investors' and shareholders' perspective, the Bank aims to sustain a market-leading position in terms of capital, liquidity and leverage ratio on the basis of sustainable business growth and social responsibility, as well as the integration of bank-wide risk management framework. Thanks to the development, compliance and continuous fine-tuning of such framework, Techcombank successfully concluded offshore syndicated loans with demanding lenders having the strictest environmental and social requirements, for example, in 2020 (USD 500 million), 2021 (USD 800 million) and 2022 (USD 1 billion).

Huy động vốn Quốc tế





2.2 Đánh giá mức độ trọng yếu

2.2 Materiality Assessment

Trong khuôn khổ ESG tổng thể, Techcombank đã tiến hành đánh giá mức độ trọng yếu của các chủ đề ESG, đảm bảo rằng Ngân hàng tập trung nguồn lực, ưu tiên thực thi các chủ đề ESG quan trọng nhất với các ưu tiên của Ngân hàng và các bên liên quan. Những chủ đề này được đánh giá nhằm xác định tầm quan trọng của từng vấn đề ESG cụ thể đối với Techcombank và các bên liên quan, đồng thời là cơ sở xây dựng chiến lược phát triển dài hạn cho Ngân hàng.

Quy trình đánh giá mức độ trọng yếu của Techcombank bao gồm việc xem xét đến các yếu tố ưu tiên của các bên liên quan trong và ngoài Ngân hàng. Quy trình đánh giá này dựa trên thực hiện khảo sát nội bộ, đối chiếu với các nội dung công bố thông tin của các Ngân hàng khác và của ngành, cũng như với các yêu cầu pháp lý và quy định liên quan.

Cách tiếp cận này gồm 4 bước như sau:

Bước 1: Xác định và phân loại các chủ đề tiềm năng liên quan đến ESG.

Bước 2: Sắp xếp thứ tự ưu tiên cho các chủ đề trọng yếu dựa trên tầm quan trọng chiến lược của từng chủ đề đối với Ngân hàng cũng như với các bên liên quan, các yêu cầu quy định và các đơn vị thiết lập tiêu chuẩn ESG.

Bước 3: Sắp xếp để ban lãnh đạo cùng các nhân sự nội bộ quan trọng và các chuyên gia trong lĩnh vực liên quan tham gia kiểm thử và xác nhận kết quả đánh giá mức độ trọng yếu.

Within the overall ESG framework, Techcombank conducted a materiality assessment, ensuring that we focus on ESG topics most relevant to the Bank and its stakeholders. These topics are assessed to determine the importance of each specific ESG issue for Techcombank and its stakeholders, and serve as the basis for developing the Bank's long-term strategy.

Our materiality assessment process takes into account priorities of both external and internal stakeholders. Assessments are made based on internal surveys, cross-checking with information disclosed by other banks and the whole industry, as well as relevant legal and regulatory requirements.

The materiality assessment process includes four steps:

Step 1: Identify and categorize potential ESG-related topics.

Step 2: Prioritize key topics based on the strategic importance of such topics to the Bank, stakeholders, regulatory requirements and units in charge of establishing ESG standards.




Step 3: Actively involve the board of management, key internal personnel and relevant experts in testing and confirming the materiality assessment results.

Bước 4: Cân nhắc và xác định danh sách cuối cùng sau nhiều vòng thảo luận của ban lãnh đạo, kết hợp ý kiến đóng góp từ giám đốc các bộ phận trong Ngân hàng và các chuyên gia tư vấn bên ngoài.

Danh sách các chủ đề ESG trọng yếu dưới đây được dựa trên các ưu tiên được xác định thông qua chiến lược của Techcombank, kỳ vọng của các bên liên quan và theo thông lệ tốt nhất:

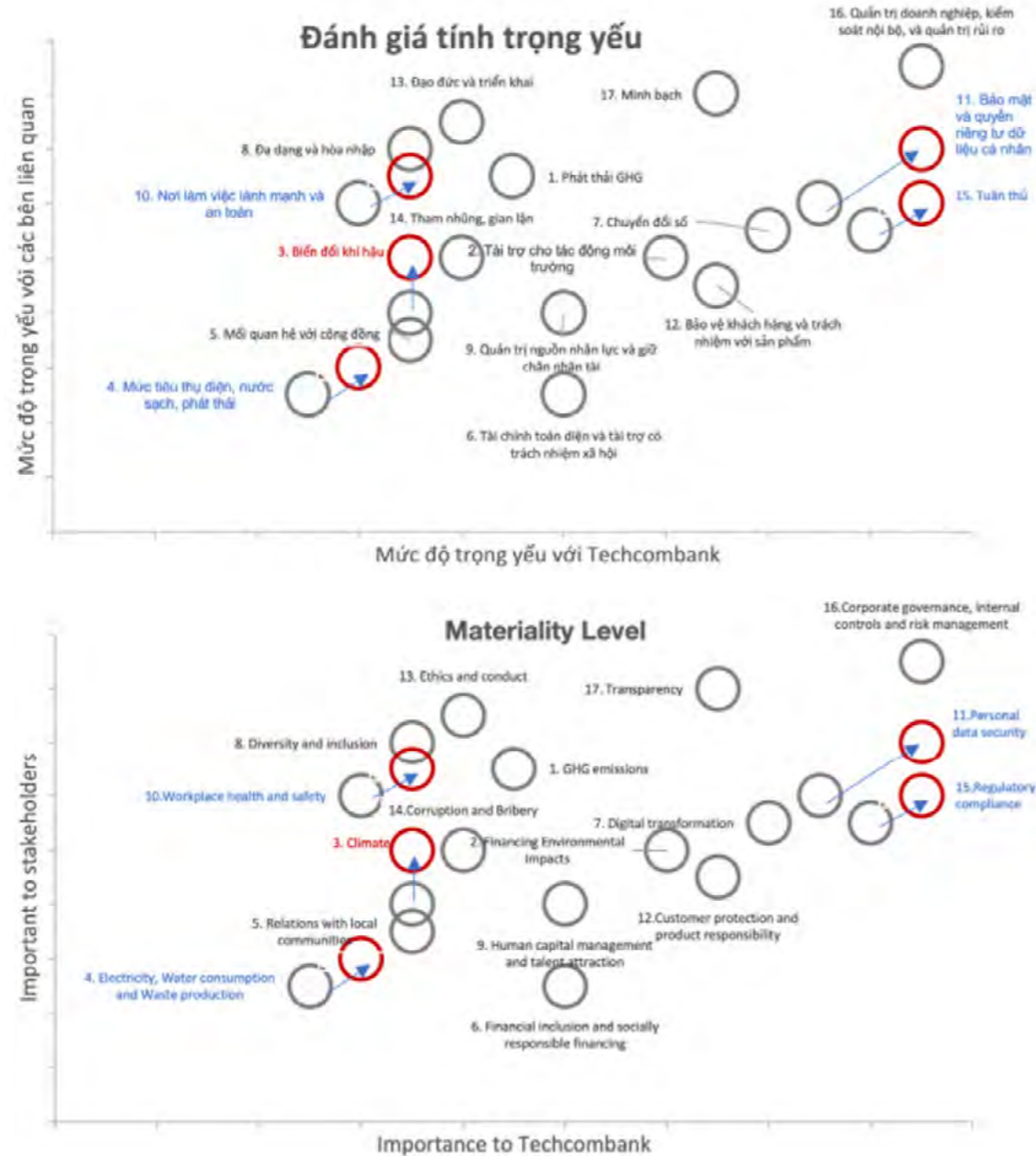
Step 4: Assess and finalize the list of key topics identified as per the discussion by the board of management in combination with the feedback from the Bank's directors/ heads of divisions and external consultants

The following list of material ESG topics is made based on the priorities under Techcombank's strategy, stakeholders' expectations and best practices:

TRỤ CỘT PILLARS	STT No.	CÁC CHỦ ĐỀ ESG TRỌNG YẾU MATERIAL ESG TOPICS
	1	Phát thải khí nhà kính <i>Greenhouse gas emissions</i>
	2	Tài trợ tác động môi trường <i>Financing Environmental Impact</i>
	3	Biến đổi khí hậu <i>Climate change</i>
	4	Tiêu thụ điện nước và sản sinh rác thải <i>Electricity and water consumption and waste production</i>
	5	Quan hệ với cộng đồng địa phương <i>Community relations</i>
	6	Tài chính toàn diện và tài trợ có trách nhiệm xã hội <i>Comprehensive finance and responsible financing</i>
	7	Chuyển đổi số <i>Digital transformation</i>
	8	Đa dạng và hòa hợp <i>Harmony and Diversity</i>
	9	Quản lý nhân lực và thu hút nhân tài <i>Human resources management and talent acquisition</i>
	10	Sức khỏe và an toàn nơi làm việc <i>Occupational Health and Safety</i>
	11	Bảo mật dữ liệu cá nhân và quyền riêng tư <i>Privacy and Personal data security</i>
	12	Bảo vệ khách hàng và trách nhiệm sản phẩm <i>Customer Protection and Product Liability</i>
	13	Đạo đức và ứng xử <i>Ethics and code of conduct</i>
	14	Tham nhũng và hối lộ <i>Bribery & Corruption</i>
	15	Tuân thủ quy định <i>Compliance</i>
	16	Quản trị doanh nghiệp, kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro <i>Corporate Governance, Internal Control and Risk Management</i>
	17	Minh bạch <i>Transparency</i>

Techcombank định kỳ cập nhật đánh giá trọng yếu để đảm bảo tính phù hợp. Các ưu tiên về ESG của Ngân hàng nhất quán với những ưu tiên được xác định vào năm 2022, trong đó một số điểm cần được đẩy nhanh do nhu cầu thực tế dẫn tới xếp hạng của một số ưu tiên có sự thay đổi. Điều này được phản ánh trong chiến lược của Techcombank nhằm thúc đẩy các hoạt động bền vững và hiệu quả trên toàn Ngân hàng.

Techcombank updates its materiality assessment periodically to ensure its relevance. ESG priorities are consistent with those identified in 2022, but some have become more pressing, hence the change of the priority order. This is reflected in Techcombank's strategy to drive effective and sustainable bank-wide operations.



2.3 Các sáng kiến đã triển khai để hỗ trợ chiến lược ESG tại Techcombank

2.3 Existing initiatives to support ESG strategy at Techcombank

Trong năm 2023, với sự định hướng các ưu tiên ESG, Techcombank đã đưa ra nhiều sáng kiến và đặt nền móng cho quá trình phát triển ESG:

- Đưa vào vận hành hai tòa nhà văn phòng tiết kiệm năng lượng đẳng cấp thế giới. Hai tòa nhà Techcombank Tower của chúng tôi đã trở thành trụ sở Ngân hàng Việt Nam đầu tiên được Hội đồng Công trình Xanh Hoa Kỳ (USGBC) trao giải Vàng về Thiết kế Năng lượng và Môi trường (LEED)

- Tăng số dư tín dụng xanh của chúng tôi lên 13,9 nghìn tỷ đồng – chiếm trung bình khoảng 5,2% tổng giá trị danh mục – phân bổ trên các lĩnh vực giao thông bền vững, năng lượng tái tạo và sạch, và các lĩnh vực thân thiện với môi trường khác

- Tiếp tục tổ chức, đồng hành cùng các giải chạy marathon quốc tế Hà Nội (lần thứ 2) và Thành phố Hồ Chí Minh (lần thứ 6), thu hút hơn 23,500 người tham gia, góp phần lan tỏa thông điệp về sức khỏe, phát triển bản thân và tiềm năng của con người.

- Cải thiện khung quản trị rủi ro môi trường và xã hội (E&S) của chúng tôi – bao gồm chính sách, hướng dẫn và công cụ của chúng tôi để nâng cao đánh giá rủi ro E&S – áp dụng đầy đủ các yêu cầu của SBV và hợp tác với các đối tác tư vấn để giải quyết các thách thức và thay đổi trong các tiêu chuẩn quốc tế.

- Chú trọng đến lượng khí thải carbon liên quan đến công tác, thông qua việc theo dõi và cải thiện chương trình công tác trong ngắn hạn và dài hạn. Chúng tôi khuyến khích sử dụng phương tiện giao thông thân thiện với môi trường để giảm lượng khí thải carbon và tác động đến môi trường. Bất cứ khi nào có thể, chúng tôi khuyến khích nhân viên của mình cân nhắc các cuộc họp trực tuyến thông qua các công cụ như Microsoft Teams.

- Nhờ nỗ lực tinh giản hoạt động để trở nên hiệu quả hơn, chúng tôi đã giảm bớt sự phụ thuộc vào các vật tư tiêu hao như văn phòng phẩm và mực in. Đồng thời, chúng tôi đang giảm dần bản cứng sổ tiết kiệm, sao kê tài khoản và giảm việc khách hàng phải trực tiếp di chuyển đến Ngân hàng.

In 2023, driven by its ESG priorities, Techcombank has taken several initiatives and thus laid foundation for the ESG journey:

- *Started operating two new world-class energy efficient office buildings. Our two Techcombank Towers are the first Vietnamese banking headquarters to be awarded Leadership in Energy and Environmental Design (LEED) Gold by the U.S. Green Building Council (USGBC).*

- *Increased our green credit exposure to VND 13.9 trillion ~ \$0.6 billion – 5.2% of our total book value on average – distributed across sectors of sustainable transportation, renewable and clean energy, and other environmentally friendly sectors.*

- *Financed Hanoi (2nd season) and Ho Chi Minh (6th season) marathons, attracting more than 23,500 participants, helping to spread the message of physical fitness, self-development, and human potential.*

- *Improved our environmental and social risk (E&S) governance framework – including our policy, guidelines, and tools to enhance E&S risk assessment – fully adopting the SBV's requirements and collaborating with consulting partners to address challenges and changes in international standards*

- *Pays close attention to the carbon emissions associated with business travel, through tracking and making business travel program enhancements over the short and long term. We encourage eco-friendly transportation to reduce our carbon footprint and environmental impact. Wherever possible, we encourage our employees to consider online meetings using tools like Microsoft teams.*

- *As we streamline operations to increase efficiency, our reliance on consumables like office stationery and printer ink reduces. At the same time, we have been eliminating physical passbooks, account statements and trying to reduce the number of customer road trips to the Bank.*



Trong lĩnh vực kinh doanh, chúng tôi nỗ lực xây dựng các mối quan hệ và phát triển sự am hiểu sâu sắc và đa chiều về khách hàng để có thể trở thành cố vấn đáng tin cậy của họ, cùng nhau làm việc để giúp họ vun đắp sự thịnh vượng. Quyết định của chúng tôi về việc hợp nhất hai Khối kinh doanh: Khối Ngân hàng Bán buôn và Khối Khách hàng Doanh nghiệp thành một Khối mới – Khối Ngân hàng Doanh nghiệp và Định chế (CIBG) từ ngày 1 tháng 1 năm 2024 sẽ nâng cao năng lực của Techcombank trong việc phát triển chiến lược theo ngành và mang đến cho khách hàng các giải pháp tài chính hướng tới các mục tiêu ESG. Chúng tôi cũng đã tái định vị một cách chiến lược phân khúc khách hàng - Doanh nghiệp siêu nhỏ (Micro SME) và Doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) vào Khối Ngân hàng Bán lẻ (RBG). Động thái này dựa trên phân tích và đánh giá của Ngân hàng rằng những khách hàng này thường quản lý tài chính doanh nghiệp của họ bên cạnh các yêu cầu về dịch vụ Ngân hàng cho chính cá nhân chủ doanh nghiệp. Mạng lưới rộng khắp gồm hơn 300 chi nhánh/ phòng giao dịch sẽ mở rộng dịch vụ Ngân hàng để đáp ứng tốt hơn nhu cầu kinh doanh của các khách hàng SME, và gia đình họ.

“
Trong năm 2023, số lượng khách hàng từ phân khúc Micro SME và SME đã tăng 17% – từ 51.307 năm 2022 lên 60.209 khách hàng vào năm 2023 – với dư nợ cho vay đối với các nhóm khách hàng này cũng duy trì ổn định ở mức tương ứng 17,8 nghìn tỷ đồng.

Chiến lược lấy khách hàng làm trọng tâm đã cho phép Ngân hàng hiểu sâu hơn về khách hàng và đưa ra các giải pháp đơn giản, dễ dàng và thuận tiện để đáp ứng nhu cầu của họ ở mọi giai đoạn (ví dụ: chi tiêu, tiết kiệm, vay, bảo vệ và đầu tư).

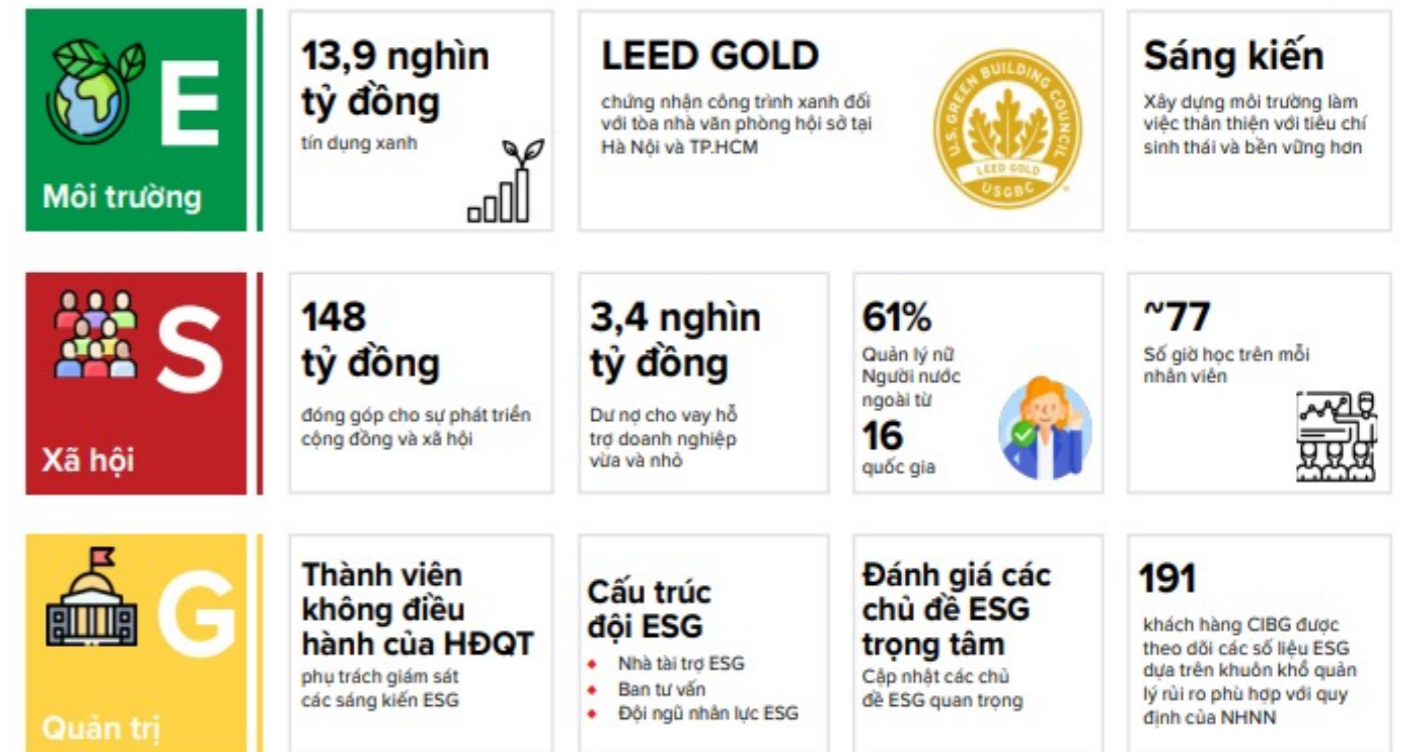
From the business perspective, we have been striving to build relationships and develop a complex and nuanced understanding of our customers so we can be their trusted adviser, working together to help them build their wealth. Our decision to merge the Wholesale Banking and Business Banking divisions into a new division called Corporate and Institutional Banking Group (CIBG) from January 1 2024 will enhance our capacity to develop sector-based strategies and bring more ESG focused solutions to our customers. We've strategically repositioned our micro and emerging small and medium-sized enterprises (SME) segment into Retail Banking Group (RBG) Division. This move was based on our recognition that these customers often manage their business finances alongside personal banking requirements. Our extensive network of over 300 retail branches will scale our services to better meet their business needs, while continuing to serve households.



“
During 2023, the number of micro-SME and SME segments we serve increased by 17% – from 51,307 in 2022 to 60,209 customers in 2023 – with loan balances for these customer groups also maintained stable at 17.8 trillion VND (~ \$ 0.71 billion).

Our customer-centric strategy has allowed us to deepen our understanding of customers and offer simple, easy, and convenient solutions to meet their needs at all stages of their financial lives (e.g., spending, saving, borrowing, protecting, and investing).

Những điểm nổi bật về ESG của Techcombank năm 2023



TCB's ESG key highlights in 2023





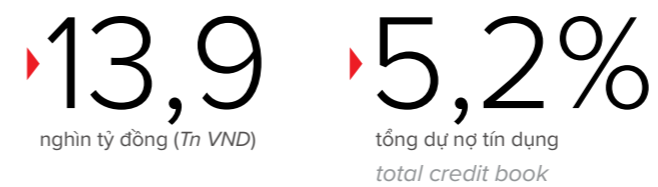
2.4 Tín dụng xanh

2.4 Green credit

Các cân nhắc về môi trường trở thành một cấu phần quan trọng trong các quy trình và quyết định đầu tư/tài trợ của Techcombank.

Trong những năm qua, cam kết của chúng tôi đối với tín dụng xanh đã tăng đáng kể. Năm 2023, Ngân hàng đã cho vay 13,9 nghìn tỷ đồng – chiếm trung bình khoảng 5,2% tổng dư nợ tín dụng của Ngân hàng, được phân phối trên các lĩnh vực giao thông bền vững, nông nghiệp xanh, năng lượng sạch và tái tạo cũng như các lĩnh vực thân thiện với môi trường khác.

Năm 2023 Ngân hàng cho vay:



Mức cấp tín dụng này đã tăng đáng kể từ mức 1,1 nghìn tỷ đồng năm 2022. Thông qua việc chú trọng phát triển tín dụng xanh, Techcombank hướng đến mục tiêu thúc đẩy các kết quả tích cực về môi trường và hỗ trợ các doanh nghiệp góp phần giảm lượng khí thải carbon và tăng cường các hoạt động bền vững. Sự tập trung chiến lược này không chỉ phù hợp với các mục tiêu môi trường toàn cầu mà còn tăng cường vai trò của Ngân hàng trong việc thúc đẩy nền kinh tế xanh hơn và đáp ứng kỳ vọng ngày càng thay đổi của các bên liên quan quan tâm đến tính bền vững.

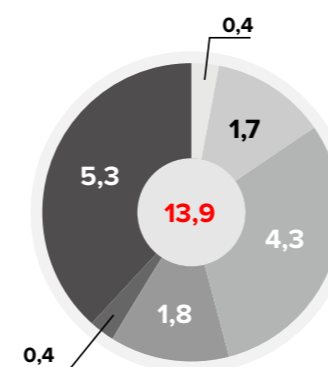
Environmental considerations constitute an important component in Techcombank's processes and investment/financing decisions.

Over the past few years, Techcombank has substantially strengthened its commitment to green credit, with green exposure reaching VND 13.9 trillion (~ \$ 0.6 billion) – 5.2% of our total credit book in 2023. This exposure is allocated to sustainable transportation, green agriculture, renewable and clean energy, and other environmentally friendly sectors. This represents a significant uplift from a credit balance of VND 1.1 trillion (~ \$ 43.8 million) in 2022. By prioritizing green credit, Techcombank aims to drive positive environmental outcomes and support businesses that contribute to reducing carbon footprints and promoting sustainable practices. This strategic focus not only aligns with global environmental goals but also enhances the bank's role in fostering a greener economy and meeting the evolving expectations of stakeholders concerned with sustainability.



2023 green credit exposure (VND Tn, %)

Tài trợ tín dụng xanh - 2023 (Nghìn tỷ đồng, %)



- Năng lượng tái tạo
Renewable, clean energy
- Dự án xây dựng xanh
Green construction projects
- Nông nghiệp sạch
Green agriculture
- Lâm nghiệp bền vững
Sustainable forestry
- Giao thông xanh
Sustainable transportation
- Các lĩnh vực kinh tế xanh khác
Other green areas

2.5 Các biện pháp bảo vệ xã hội và đóng góp cộng đồng

2.5 Social safeguards and giving back to community

Các biện pháp bảo vệ xã hội là một phần quan trọng trong chiến lược ESG của chúng tôi. Ngân hàng triển khai các chính sách, quy trình quản trị được thiết lập để đảm bảo đối xử công bằng và bình đẳng với nhân viên, thúc đẩy an toàn nơi làm việc và thúc đẩy môi trường làm việc đa dạng và toàn diện. Tầm nhìn chiến lược của chúng tôi đối với nguồn nhân lực là “nơi hội tụ những tài năng xuất sắc nhất”. Techcombank cung cấp các cơ hội đào tạo và phát triển liên tục để nâng cao kỹ năng của nhân viên và thúc đẩy sự phát triển nghề nghiệp. Chúng tôi đã phát triển và giữ chân nhân tài thành công trong năm qua, xây dựng nền tảng vững chắc cho hiệu quả trong tương lai, được phản ánh thông qua kết quả Khảo sát mức độ gắn kết của nhân viên (EES) rất tích cực của Ngân hàng.

Ngoài ra, Techcombank hỗ trợ các sáng kiến cộng đồng thông qua các chương trình giáo dục kiến thức tài chính và các dự án phát triển địa phương, nhằm mục đích đóng góp tích cực vào sự phát triển của cộng đồng. Trong 6 năm qua, Techcombank đã tiên phong tổ chức các giải marathon quốc tế tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội, để lan tỏa thông điệp và tinh thần “Vượt trội hơn mỗi ngày” cũng như truyền cảm hứng cho lối sống lành mạnh hơn. Trong năm 2023, hai giải marathon thu hút 23,500 vận động viên từ hơn 90 quốc gia, nhiều lứa tuổi, chia sẻ chung một mục đích đầy ý nghĩa “Bước chạy Vì một Việt Nam vượt trội”. Với việc gắn kết mọi người từ khắp nơi trên thế giới, các sự kiện thể thao này đã thể hiện rõ cam kết của Techcombank trong việc góp phần nâng cao sức khỏe người dân và cùng hướng tới mục tiêu chung về kết nối cộng đồng.

Trong năm 2023/ In 2023

▶ **23,500** ▶ **90**
 nghìn vận động viên (thousand Athlete) Quốc gia /Countries

Techcombank hoan nghênh và đang mở rộng cơ hội cho lực lượng nhân sự đa quốc gia, đa thế hệ của chúng tôi; cũng như khuyến khích và thúc đẩy các tiêu chuẩn bình đẳng giới. Văn hóa hòa nhập giúp chúng tôi thu hút và giữ chân những nhân sự tài năng đến từ nhiều nơi trên thế giới.

Techcombank places a strong emphasis on social safeguards as a component of our ESG strategy. The bank implements comprehensive policies and establishes governance processes to ensure fair and equitable treatment of employees, promote workplace safety, and foster a diverse and inclusive working environment. Our strategic vision for human resources is to be 'home to the best talent'. Techcombank provides ongoing training and development opportunities to enhance employee skills and advance career growth. We successfully developed and retained talent throughout the year, building concrete foundations for future effectiveness, reflected in our very positive Employee Engagement Survey (EES) results.

Additionally, Techcombank supports community initiatives through financial literacy programs and local development projects, aiming to make positive contributions to the development of the community. For the last six years, we have run the Techcombank HCMC marathons and Hanoi Marathons to further our "Be Greater" spirit and inspire healthier lifestyles. In 2023, the two marathons attracted 23,500 participants from over 90 countries, uniting a diverse group of runners with a shared purpose: to run for a greater Vietnam. By bringing together people from around the world, Techcombank's marathons highlight our commitment to public health and the collective goal of strengthening and connecting communities through meaningful, shared experience.

Techcombank welcomes, and is expanding, opportunities for our multigenerational, multinational workforce; as well as encouraging and promoting gender equality standards. A culture of inclusivity helps us attract and retain talented people from different parts of the world.



Tỷ lệ nghỉ việc và thời gian làm việc: Attrition rate and tenure

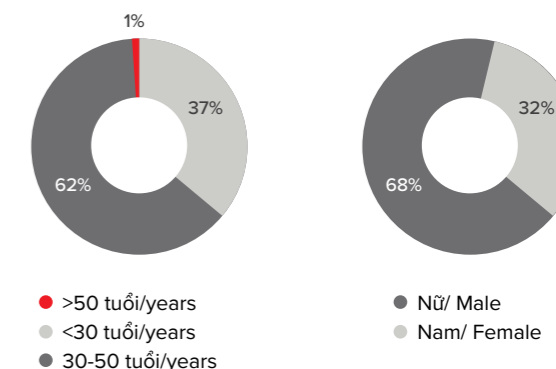
▶ **17,8%**
 Tỷ lệ nghỉ việc (25,4%)
 Attrition rate (25.4%)

▶ **6,1** Năm
 Thời gian làm việc trung bình (6,3 năm tại 2022)
 Average tenure (6.3 years in 2022)

Quốc tịch: Nationalities

▶ **51** Chuyên gia Expatriate
 ▶ **16** Quốc gia Nationalities

Cơ cấu tuổi (11,6 Nghìn nhân viên): Age Structure



Sự đa dạng giới tính: Gender diversity at the top

▶ **19%**
 Phụ nữ trong HĐQT, BKS
 Women in our Board of Directors,
 Supervisory Board, Executive team

▶ **61%**
 Phụ nữ cấp Quản lý
 Women in managerial level

Bên cạnh đó, chúng tôi cam kết bảo vệ dữ liệu chúng tôi nắm giữ và xử lý, theo luật pháp và quy định. Chúng tôi đã đầu tư đáng kể để cải thiện khả năng e-KYC, chống rửa tiền và giám sát giao dịch. Chúng tôi cũng tập trung vào việc giảm thiểu rủi ro bằng cách đảm bảo nền tảng và hệ thống phòng chống rửa tiền, cung cấp mức độ bảo vệ cao nhất cho dữ liệu quan trọng của Ngân hàng và sự an toàn và bảo mật tốt nhất có thể cho khách hàng khi họ giao dịch với chúng tôi

We are committed to protecting the data we hold and process, in accordance with the laws and regulations. We have invested significantly to improve our e-KYC, anti-money laundering and transaction monitoring capabilities. We also maintain a key focus on minimizing risk by ensuring our platforms and anti-money laundering system offer both the highest levels of protection for the Bank's important data, and the best safety and security possible for customers as they transact with us.

2.6 Các trọng tâm ESG trong năm 2024

2.6 Our ESG focus areas for 2024

Trong năm 2024, Ngân hàng sẽ tiếp tục phát triển hướng tiếp cận ESG, tập trung vào một số trọng tâm:

- Tìm hiểu sâu hơn về các lĩnh vực bị ảnh hưởng bởi các quy định liên quan đến ESG;
- Cung cấp, thiết kế các giải pháp/ sản phẩm mới để phát triển lĩnh vực kinh tế xanh;
- Cung cấp các chương trình đào tạo đa dạng về ESG, bao gồm cả năng lực lãnh đạo và chuyên môn;
- Cải thiện các quy trình liên quan của Ngân hàng (ví dụ: thẩm định tín dụng) và nền tảng (ví dụ: dữ liệu) để đáp ứng các quy định mới từ NHNN
- Theo dõi mức tiêu thụ điện năng tại các trụ sở làm việc và các số liệu liên quan để tạo cơ sở so sánh trong tương lai;
- Đưa ESG thành một trong những trụ cột chính trong khung thông điệp truyền thông; của Ngân hàng, truyền tải các thông điệp ESG và tài trợ cho các sự kiện cộng đồng hướng tới tính bền vững.

In 2024, Techcombank will further refine our ESG approach with the following key focus areas:

- *Developing a deeper understanding of sectors impacted by ESG regulations;*
- *Designing and providing new products/solutions to facilitate green growth;*
- *Offering diversified training programs on ESG, covering both leadership competency and expertise;*
- *Improving relevant internal processes (e.g., credit underwriting) and platforms (e.g., Data platform) in compliance with new regulations of the SBV;*
- *Tracking TCB's energy footprint and related metrics to create a baseline for future comparison;*
- *Embedding ESG as a key pillar into our communication framework, dialing up ESG messages and sponsoring community sustainability events;*



OUR ESG FOCUS AREAS FOR 2024

CÁC TRỌNG TÂM ESG TRONG NĂM 2024





Khung quản trị bền vững của Techcombank

Techcombank's sustainability governance framework

❖ | 3. Khung quản trị bền vững của Techcombank

3. Techcombank's sustainability governance framework

Hội đồng quản trị của Techcombank tập hợp các chuyên gia cao cấp, lãnh đạo Ngân hàng hướng tới sự tăng trưởng và đổi mới liên tục trong lĩnh vực tài chính. Hội đồng quản trị (HĐQT) bao gồm chín thành viên, trong đó có hai thành viên độc lập. Các thành viên HĐQT đều có kinh nghiệm sâu rộng trong nhiều khía cạnh của ngành Ngân hàng và tài chính, bao gồm lãnh đạo chiến lược, quản trị rủi ro, quy định tài chính và đổi mới công nghệ.

Dưới sự định hướng và chỉ đạo của HĐQT, Techcombank tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về quản trị doanh nghiệp theo luật pháp Việt Nam và chủ động áp dụng các thông lệ tốt nhất trên toàn cầu và khu vực cho toàn hệ thống và nâng cao nhận thức của các cấp quản lý và nhân viên về các thông lệ quản trị doanh nghiệp tốt nhất.

Quản trị doanh nghiệp và Cơ cấu tổ chức của Techcombank được xây dựng theo hướng minh bạch và hiệu quả, đảm bảo lợi ích của khách hàng, nhân viên, cổ đông và nhà đầu tư, từ đó đảm bảo sự phát triển và bền vững.

3.1 Khung quản trị và cơ cấu ESG

3.1 ESG governance framework & structure

Ban lãnh đạo Techcombank hiểu rằng để duy trì được thành công lâu dài cần xây dựng nền tảng quản trị vững chắc của Ngân hàng và hỗ trợ cộng đồng, bao gồm cả việc chú trọng phát triển bền vững trên chính hành tinh mà chúng ta đang sống. Khung quản trị môi trường, xã hội và doanh nghiệp (ESG) bao gồm phát triển bền vững là một phần trong chiến lược kinh doanh dài hạn của Ngân hàng. Trong năm qua, Techcombank đã củng cố khung quản trị ESG của mình thông qua việc:

- Xác định rõ vai trò và trách nhiệm của HĐQT và Tổng Giám đốc trong việc quản lý và giám sát rủi ro ESG tổng thể;
- Thành lập tiểu ban/ chỉ định thành viên HĐQT chuyên trách cho ESG;
- Chỉ định một thành viên HĐQT là nhà bảo trợ để dẫn dắt và triển khai kế hoạch ESG trong mọi lĩnh vực của các hoạt động của Ngân hàng và đối với khách hàng.

Techcombank's Board of Directors comprises a team of senior professionals dedicated to steering the Bank towards continued growth and innovation in the financial sector. It is composed of nine members, including two independent directors. The BOD collectively possess extensive experience across various facets of the banking and financial industry, encompassing strategic leadership, risk management, financial regulation, and technology innovation.

Under the orientation and direction of the Board of Directors, Techcombank strictly complies with corporate governance regulations as per Vietnamese law and proactively adopts and communicates best global and regional practices to the management and employees for enhanced bank-wide governance efficiency.

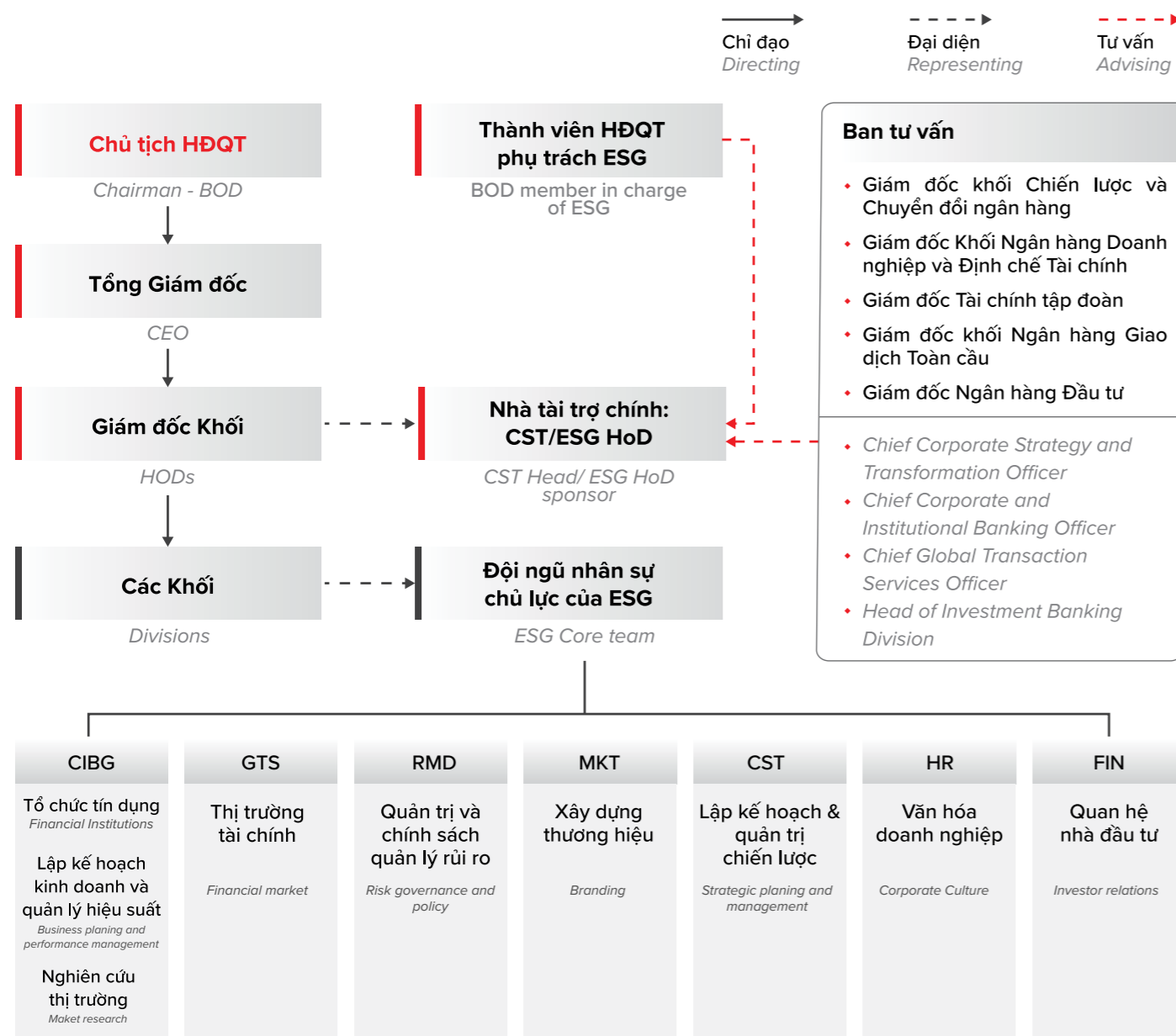
Techcombank aims to develop transparent and efficient Corporate Governance and Organizational Structure, protecting the interest of its customers, employees, shareholders, and investors, thereby ensuring development and sustainability.

Techcombank management fully understood that long-lasting success could only be built upon sound governance and active community support, including sustaining the planet we live on. The environmental, social and governance (ESG) framework encompassing sustainable development is part of the Bank's long-term business strategy. In the last year, Techcombank has strengthened its ESG governance framework by:

- *Defining clear roles and responsibilities of the BOD and CEO in the overall management and monitoring of ESG risks*
- *Appointing a dedicated sub-committee/ BOD member for ESG*
- *Designating a BOD member to sponsor the development and deployment of ESG agenda across all activities of the Bank and its customer base.*

Giám đốc Khối Chiến lược và Chuyển đổi Ngân hàng – đóng vai trò là lãnh đạo điều hành các hoạt động ESG, thúc đẩy việc tích hợp tính bền vững vào kế hoạch chiến lược, các sáng kiến chuyển đổi và hoạt động kinh doanh hàng ngày của Ngân hàng. Những thay đổi này thể hiện cam kết của Ngân hàng trong việc thống nhất chiến lược chuyển đổi của chúng tôi với các nguyên tắc ESG, đảm bảo tăng trưởng một cách bền vững và có trách nhiệm. Chúng tôi cũng thành lập Ban cố vấn ESG của Ngân hàng bao gồm các giám đốc Khối từ các đơn vị khác nhau trong Ngân hàng, phụ trách việc phát triển và thực thi các sáng kiến ESG, theo dõi tiến độ, báo cáo kết quả và giám sát nhóm ESG chuyên trách (xem sơ đồ bên dưới).

Our Chief Corporate Strategy and Transformation Officer acts as the ESG Executive Sponsor, driving the integration of sustainability into our strategic planning, transformation initiatives and business-as-usual operations. This demonstrates our commitment to aligning our business transformation with ESG principles, thereby delivering sustainable and responsible growth. An ESG Advisory Board comprising of Heads of Divisions has been formed with key responsibilities including developing and executing our ESG initiatives, monitoring the progress, reporting on our performance, and overseeing the core ESG team (see the diagram below).



3.2 Hệ thống quản trị môi trường xã hội

3.2 Environmental and social management system

Hệ thống quản lý môi trường và xã hội (ESMS) tại Techcombank, bao gồm đánh giá rủi ro môi trường và xã hội (E&S), được tích hợp vào các quyết định kinh doanh và quy trình quản lý rủi ro trong hoạt động cấp tín dụng. Techcombank có các tuyên bố rõ ràng như một định hướng cho toàn bộ hệ thống về chính sách khí hậu, bình đẳng giới và sử dụng đất. Hệ thống ESMS của Techcombank bao gồm các chính sách và quy trình, hướng dẫn; cơ cấu tổ chức, vai trò và trách nhiệm của các phòng ban; các công cụ để rà soát, phân loại và đánh giá rủi ro E&S; cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin.

Các yêu cầu về môi trường và xã hội được tích hợp vào hoạt động cấp tín dụng:

- Hệ thống cấu trúc về quản lý rủi ro môi trường và xã hội của Techcombank: Vai trò, trách nhiệm của từng cá nhân trong hệ thống Techcombank: HĐQT, Tổng Giám đốc, Hội đồng rủi ro chuyên trách về rủi ro môi trường và xã hội, và các Khối/ đơn vị có liên quan như Khối Quản trị Rủi ro, các Khối Kinh doanh, Khối Tài chính Kế hoạch, Khối Quản trị Ngân hàng, Khối Truyền thông và Tiếp thị... và các chuyên gia phê duyệt, cán bộ chuyên trách về Môi trường và Xã hội.
- Techcombank sẽ không cấp tín dụng cho các dự án nằm trong danh sách loại trừ của IFC hoặc các hoạt động có tác động tiêu cực đến môi trường, xã hội và các hoạt động kinh doanh bị cấm theo pháp luật Việt Nam.
- Yêu cầu về nhận dạng/phân loại rủi ro môi trường và xã hội: Các hồ sơ cấp tín dụng, cho vay sẽ được phân thành bốn (4) loại theo Luật Bảo vệ Môi trường (BVMT) năm 2020, Luật Đầu tư công năm 2019, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (Nhóm I, II, III, IV). Ngoài ra, các đề nghị cấp tín dụng cũng được hướng dẫn mở rộng đánh giá theo chuẩn quốc tế (Rủi ro cao – Nhóm A, rủi ro trung bình – Nhóm B, rủi ro thấp – Nhóm C).
- Yêu cầu về thẩm định, phê duyệt rủi ro môi trường và xã hội được tích hợp cùng với quy trình cấp tín dụng.
- Yêu cầu đối với việc kiểm soát và giám sát sau giải ngân và báo cáo rủi ro môi trường và xã hội.

Techcombank's environmental and social management system (ESMS), including environmental and social risk assessments (E&S) is integrated into business decisions and credit risk management process. Techcombank has made clear statements on climate change, gender equality and land use, which serve as the aligned direction for the entire bank. Techcombank's ESMS includes policies and processes, guidelines; organizational structure, roles and responsibilities of units and functions; tools for reviewing, classifying and assessing E&S risks; information technology infrastructure.

Techcombank's social and environmental risk management requirements are integrated in credit granting:

- Techcombank's structural system for social and environmental risk management: Roles and responsibilities of each individual in Techcombank's system are well defined: Board of Directors, CEO, Risk Committees in charge of E&S Risks, and related Divisions / units such as Risk Management Division, Business Divisions, Finance and Planning Division, Corporate Affairs Division, Marketing Division, Credit Approvers and E&S Officers.
- Techcombank shall not grant credit to projects on the IFC's exclusion list, or activities that have negative environmental and social impacts and business activities prohibited under Vietnamese law.
- Requirements for E&S risk identification/classification: Credit and Loan Applications will be classified into four (4) categories according to the 2020 Law on Environmental Protection, 2019 Law on Public Investment, Decree No. 08/2022 / ND-CP (Groups I, II, III, IV). In addition, credit applications are also subject to enhanced assessment in line with international standards (High risk - Group A, medium risk - Group B, low risk - Group C).
- Requirements for appraisal and approval of E&S risk are integrated in the applicable credit granting process.
- Requirements for post-disbursement control and monitoring and E&S risk reporting have been outlined.



Techcombank đã cập nhật Quy định hiện hành và ban hành “Quy định về chính sách quản lý rủi ro môi trường và xã hội tại Techcombank” có hiệu lực kể từ ngày 1/6/2023. Theo đó hệ thống Quản lý Môi trường xã hội (ESMS) cũng được cập nhật và hoàn thiện góp phần giúp Techcombank tiếp tục khẳng định tiên phong trong việc tuân thủ các quy định của pháp luật, đồng thời đáp ứng được mục tiêu phát triển song hành giữa kinh doanh và bảo vệ môi trường xã hội bền vững, đón đầu xu thế của thị trường tài chính Ngân hàng.

Techcombank has updated its current Regulations and issued “The Regulation on Policy for Managing Environmental and Social Risks at Techcombank” that became effective from June 1, 2023. Accordingly, the Social & Environmental Management System (ESMS) has also been updated and fine-tuned, cementing Techcombank’s pioneering position in complying with the provisions of law, while maintaining a balance between business performance and sustainable social and environmental protection, spearheading the trend in the banking and financial industry.



3.3 Báo cáo về phát triển bền vững

3.3 Sustainability reporting

Báo cáo phát triển bền vững năm 2023 của Techcombank được tích hợp vào báo cáo thường niên của Ngân hàng, với sự cải thiện đáng kể về chất lượng báo cáo ESG. Năm nay, Ngân hàng đã cải thiện tốt hơn việc theo dõi các chỉ số, bao gồm giám sát mức tiêu thụ năng lượng (cả điện và nước), đánh giá lượng khí thải carbon liên quan đến công tác đi công tác và công bố dữ liệu chi tiết về tính đa dạng và hòa nhập. Những điểm này phản ánh cam kết của Techcombank trong việc cung cấp góc nhìn toàn diện và minh bạch hơn về tác động môi trường và xã hội của mình. Thông qua việc thống nhất những nỗ lực này với kết quả tài chính, Ngân hàng đã thể hiện được cách tiếp cận toàn diện để tích hợp tính bền vững vào các mục tiêu chiến lược và hoạt động của mình.

Techcombank’s 2023 sustainability report is seamlessly integrated into the Bank’s annual report, underscoring a significant enhancement in the quality of ESG reporting. This year, the Bank has implemented more robust tracking mechanisms, including monitoring energy consumption (both electricity and water), assessing carbon emissions associated with business travel, and disclosing detailed data on diversity and inclusion. These improvements reflect Techcombank’s commitment to providing a more comprehensive and transparent view of its environmental and social impact. By aligning these efforts with its financial performance, the Bank demonstrates a holistic approach to integrating sustainability into its strategic objectives and operations.



Khung Trái Phiếu Xanh của Techcombank

Techcombank’s Green Bond Framework

4. Khung Trái Phiếu Xanh của Techcombank

Techcombank's Green Bond Framework

Thực hiện nhất quán các cam kết thực thi các chiến lược ESG, Techcombank sẽ thực hiện các đợt phát hành trái phiếu xanh để tài trợ cho các dự án của khách hàng có cam kết và đóng góp cho sự phát triển bền vững của Việt Nam. Chúng tôi mong muốn tạo lập nền tảng cần thiết và đóng góp vào quá trình chuyển đổi xanh trong ngành tài chính Việt Nam thông qua việc áp dụng và tuân thủ các chuẩn mực quốc tế trong việc huy động vốn và sử dụng vốn từ các đợt phát hành trái phiếu xanh.

Nhằm đạt được mục tiêu đề ra, Techcombank xây dựng Khung Trái Phiếu Xanh tự nguyện theo các khuyến nghị của Bộ Nguyên tắc trái phiếu xanh 2021 với Phụ lục 1 sửa đổi bổ sung vào tháng 6 năm 2022 của Hiệp hội thị trường vốn quốc tế (ICMA) ban hành. Khung Trái Phiếu Xanh của Techcombank là tài liệu mang tính chất định hướng, hướng dẫn và đảm bảo việc tuân thủ các nguyên tắc việc sử dụng vốn từ các đợt phát hành trái phiếu xanh của Ngân hàng thông qua 04 trụ cột sau:

To consistently deliver ESG commitments, Techcombank will issue green bonds to finance projects which commit and contribute to the sustainable development of Vietnam. We aim to lay fundamental foundations and contribute to the green transition of Vietnam's financial sector through the adoption of and compliance with international standards for capital raising and utilization of proceeds from green bond issuances.

To meet the targets, Techcombank voluntarily constructed the Green Bond Framework in accordance with the recommendations from the Green Bond Principles 2021 with June 2022 Appendix 1 published by International Capital Market Association (ICMA). Techcombank's Green Bond Framework is a guidance to ensure compliance with the principles of utilization of proceeds from the Bank's green bond issuances via the 4 following pillars:

4.1 Mục đích sử dụng vốn

4.1 Use of proceeds (UOP)

Căn cứ vào Khung trái phiếu này, Techcombank sẽ xây dựng kế hoạch và triển khai các đợt phát hành trái phiếu xanh. Số tiền thu được từ các đợt phát hành trái phiếu (Số Tiền Bán Trái Phiếu) sẽ được sử dụng để tài trợ và tái tài trợ vốn cho các dự án xanh, mới hoặc hiện hữu, đáp ứng các tiêu chí quy định tại Phụ lục 1 - Tiêu Chí Dự Án Đủ Điều Kiện).

Các Dự Án Đủ Điều Kiện sẽ bao gồm các khoản tài trợ của Techcombank cho khách hàng trong khu vực địa lý hoạt động và bao phủ của Techcombank.

Các dự án hiện hữu được hiểu là các dự án đã được giải ngân trong vòng 36 tháng trước ngày phát hành trái phiếu xanh. Tỷ lệ phân bổ cho dự án xanh hiện hữu sẽ được duy trì ở mức độ hợp lý, dự kiến không quá 50% danh mục Dự Án Đủ Điều Kiện.

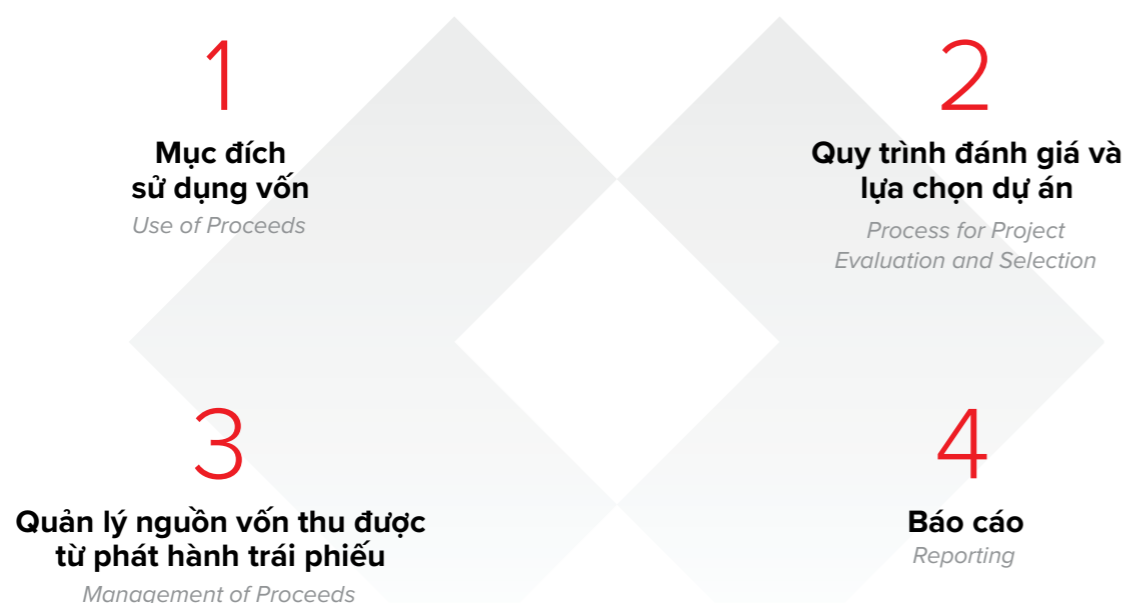
Based on this Framework, Techcombank will develop plans and execute green bond issuances. The proceeds from the green bonds issuances (Proceeds) will be exclusively used to finance new or refinance existing green projects which meet the criteria outlined in Appendix 1 - Project Eligibility Criteria.

Eligible Projects shall include financings by Techcombank to its clients across geographical locations where the bank has service coverage.

Existing projects are projects to which disbursements have been made within 36 months prior to the bond issuance date. The proportion of existing green assets shall be kept at a reasonable level, indicatively no more than 50% of the Eligible Projects.

Khung Trái Phiếu Xanh của Techcombank thông qua 4 trụ cột

Bank's green bond issuances via the 4 following pillars

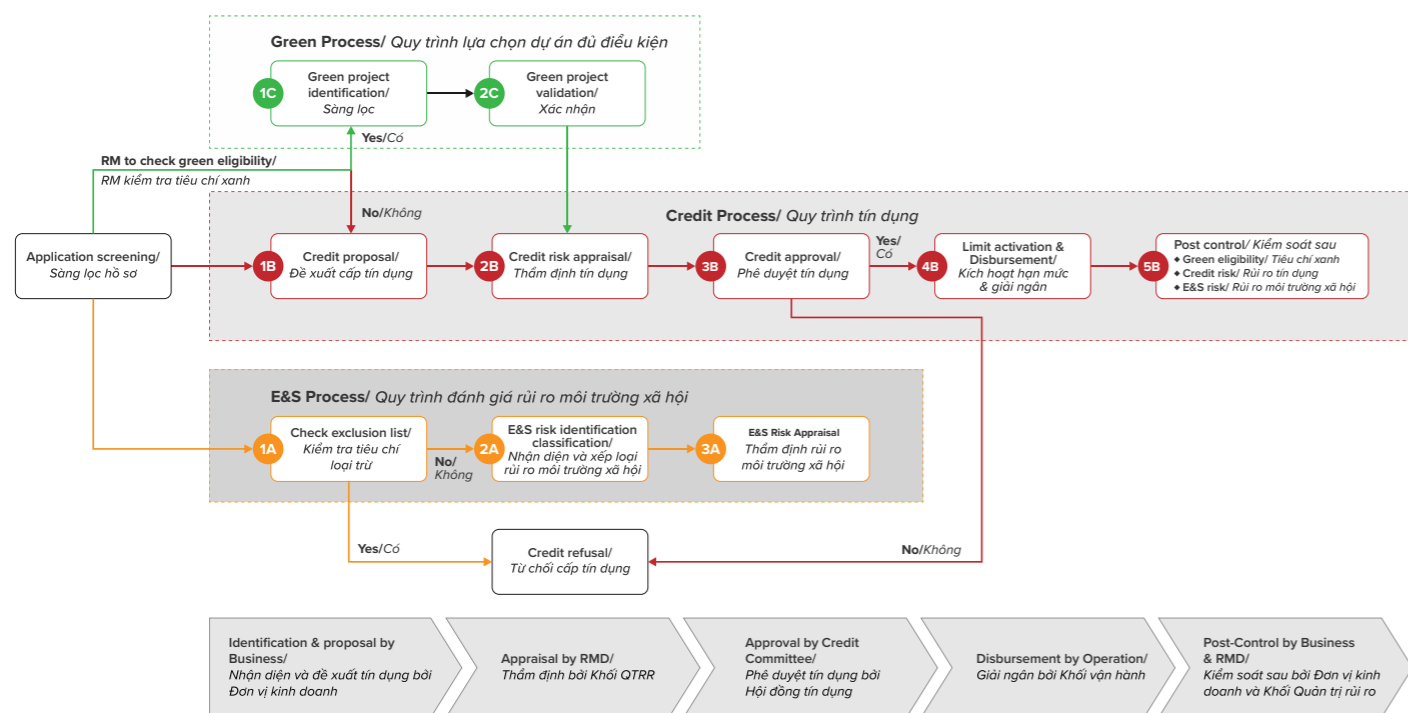


4.2 Quy trình đánh giá và lựa chọn dự án

4.2 Project Evaluation and Selection Process

Quá trình lựa chọn và đánh giá Dự Án Đủ Điều Kiện được tích hợp vào quy trình tín dụng của Techcombank như lưu đồ bên dưới

The process of selecting and evaluating eligible projects is integrated into Techcombank credit process as described in the flowchart below.



LỰA CHỌN DỰ ÁN XANH

Selection of green projects

Techcombank lựa chọn dự án xanh là những dự án (i) không thuộc các tiêu chuẩn loại trừ của Phụ lục 2 - Khung Trái Phiếu Xanh; và (ii) được thực hiện nhận diện và sàng lọc rủi ro môi trường xã hội và (iii) đáp ứng các tiêu chuẩn được quy định tại Phụ lục 1 - Khung Trái Phiếu Xanh.

Techcombank tổ chức lựa chọn dự án xanh theo nguyên tắc đánh giá độc lập.

Theo đó, Cán bộ Quan hệ khách hàng thuộc Khối kinh doanh (RM) thu thập hồ sơ thông tin từ Khách hàng và nhận diện dự án xanh kết hợp sàng lọc, phân loại rủi ro dựa trên công cụ đánh giá Rủi ro môi trường và xã hội.

Techcombank chooses green projects that (i) are not subject to the exclusion standards of Appendix 2 - Green Bond Framework; and (ii) have been screened for social and environmental risks and (iii) meet the standards set forth in Appendix 1 - Green Bond Framework.

Techcombank organizes green project selection according to the principle of independent assessment.

Accordingly, the Relationship Manager of the Business Division (RM) collects information from Customers to identify green projects, combined with risk screening and classification based on the Environmental-Social Risk assessment tool.

Hồ sơ khách hàng và các kết quả nhận diện dự án xanh, kết quả sàng lọc & phân loại rủi ro của RM được đánh giá độc lập bởi các chuyên gia có chuyên môn tại Khối quản trị rủi ro bao gồm (i) Chuyên gia ESG và (ii) Cán bộ quản lý rủi ro môi trường xã hội hoặc đơn vị thuê ngoài trước khi chuyển đến cấp phê duyệt tín dụng.

Techcombank đã thiết lập quy định và quy trình quản lý rủi ro môi trường và xã hội rõ ràng và toàn diện, bao quát nhiều lĩnh vực khác nhau nhằm đảm bảo các dịch vụ tài chính do Ngân hàng cung cấp không chỉ hỗ trợ phát triển kinh tế mà còn đảm bảo không gây ra những tác động tiêu cực đối với môi trường và xã hội.

Customer profiles and green project identification, risk screening & classification results by RM will then be independently assessed by specialized experts in the Risk Management Division including (i) ESG Experts and (ii) Environmental and Social Risk Management Officers or outsourcing units before being submitted to the credit approval level.

Techcombank has established clear and comprehensive environmental and social risk management regulations and processes, covering various areas to ensure that the financial services provided by the bank not only support economic development but also ensure they do not cause negative impacts on the environment and society.

ĐÁNH GIÁ VÀ PHÊ DUYỆT DỰ ÁN XANH

Green project evaluation and approval

Đội ngũ đánh giá là các chuyên gia thẩm định và phê duyệt tín dụng lâu năm giàu kinh nghiệm, đặc biệt là những người có chuyên môn về các dự án đầu tư lớn có yếu tố môi trường xã hội, được chỉ định để xem xét dự án. Đối với quản lý rủi ro môi trường và xã hội, chúng tôi xem xét các yếu tố có khả năng gây ảnh hưởng đến môi trường như: loại hình sản xuất kinh doanh có nguy cơ gây ô nhiễm, diện tích sử dụng đất, đất có mặt nước, sử dụng khu vực biển, khai thác tài nguyên thiên nhiên và các yếu tố nhạy cảm khác ảnh hưởng đến môi trường. Đối với đánh giá dự án xanh, chúng tôi đánh giá một trong số các giá trị mang lại như sau: dự án sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý chất thải, xử lý ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường, phục hồi hệ sinh thái tự nhiên; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, phát thải ít carbon, hoặc tạo ra lợi ích khác về môi trường.

The assessment and approval team, composed of experienced credit appraisers and approval experts, particularly those with expertise in large investment projects with social and environmental factors, is appointed to review the project. For social and environmental risks, we consider factors that are likely to affect the environment such as: types of production and business that are likely to cause environmental pollution, land use area, land with water surface, use of marine areas, exploitation of natural resources, and other environmentally sensitive factors. For the greenness evaluation, we value one or more of the following key metrics: efficient use of natural resources, adaptation to climate change, waste management, pollution remediation and environmental quality improvement, natural ecosystem restoration; nature and biodiversity conservation, reduction of carbon emissions; or creation of other environmental benefits





Chuyên gia ESG tại Khối Quản trị rủi ro:

Dựa trên hồ sơ tài liệu và báo đánh giá dự án do Cán bộ quan hệ khách hàng cung cấp, Chuyên gia ESG thực hiện thẩm định lại yếu tố loại trừ đảm bảo dự án không vi phạm tiêu chí loại trừ được quy định tại Phụ lục 2 Khung Trái Phiếu Xanh, đồng thời thẩm định tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ dự án theo quy định của Pháp luật liên quan và tiêu chí Dự Án Đủ Điều Kiện của Techcombank.



Cán bộ quản lý rủi ro môi trường và xã hội tại Khối Quản trị rủi ro hoặc đơn vị thuê ngoài:

Thẩm định chi tiết rủi ro môi trường và xã hội (Environmental and Social Due Diligence - ESDD) đối với khách hàng, bao gồm:

- Thu thập thông tin, tài liệu theo yêu cầu tại Quy Định Về Chính Sách Quản Lý Rủi Ro Môi Trường Và Xã Hội Tại Techcombank;
- Thẩm định thực địa (nếu cần).

Tùy vào kết quả đánh giá, thẩm định rủi ro môi trường và xã hội, cán bộ quản lý rủi ro môi trường và xã hội có thể xem xét lập kế hoạch hành động (Environmental and Social Action Plan - ESAP)



Cấp phê duyệt tín dụng:

Dựa trên kết quả thẩm định sẽ đưa ra quyết định phê duyệt hoặc từ chối cấp tín dụng.

ESG Expert at Risk Division:

Based on the project evaluation documents and reports provided by the Relationship Manager, the ESG Expert at Risk Division shall re-appraise the exclusion factors to ensure that the project does not violate the exclusion criteria specified in Appendix 2 of this Green Bond Framework. At the same time, the expert will appraise the completeness and validity of the project dossier in accordance with the relevant laws and Techcombank's criteria for eligible projects.

Environmental and Social Risk Management Officer or the outsourcing unit:

to conduct detailed environmental and social due diligence (ESDD) for the customers, including:

- *Collecting information and documents as required in the Regulation on Environment and Social Risk Management Policy at Techcombank;*
- *Field appraisal (if necessary).*

Depending on the results of the social and environmental risk assessment, the E&S officer can review and propose an Environmental and Social Action Plan (ESAP)

Credit approver:

Based on the appraisal results, a decision will be made to approve or reject credit granting to the project.



Giám sát sau khi cấp tín dụng:

Các đơn vị chức năng liên quan thực hiện đánh giá dự án định kỳ 12 tháng/lần; hoặc theo thời hạn các giấy phép, giấy chứng nhận môi trường xã hội nếu có, hoặc theo các hướng dẫn cụ thể của Techcombank từng thời kỳ, nhằm đảm bảo dự án luôn tuân thủ cam kết tín dụng, trong đó bao gồm các cam kết về quản lý rủi ro môi trường và xã hội. Trong trường hợp dự án không còn đáp ứng tiêu chí Dự Án Đủ Điều Kiện, dự án sẽ được xem xét loại khỏi danh mục tài sản xanh.

Post disbursement monitoring:

the relevant functional units shall conduct periodic project assessments every 12 months or based on the timeline in the relevant environmental and social licenses (if any); or according to specific guidelines of Techcombank from time to time, in order to ensure that the project always complies with credit commitments, including commitments on social and environmental risk management. In case the project no longer meets the eligibility criteria, it may be disqualified as green assets.



Trong quá trình đánh giá Dự Án Đủ Điều Kiện tín dụng xanh, bên cạnh các hồ sơ tài chính chi tiết và các tài liệu chứng minh mục đích sử dụng vốn, Techcombank sẽ yêu cầu chủ đầu tư cung cấp bổ sung các tài liệu theo quy định của Pháp luật Việt Nam, đặc biệt đối với các dự án thuộc các ngành nghề nhạy cảm với rủi ro môi trường và xã hội. Các tài liệu này bao gồm, nhưng không giới hạn, các đánh giá rủi ro môi trường và xã hội, báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường, giấy phép xả thải...nhằm đảm bảo dự án được thẩm định một cách toàn diện, tuân thủ các quy định về quản lý rủi ro môi trường và xã hội.

In the process of evaluating the project eligible for green credit, in addition to detailed financial records and supporting documents proving the purpose of using capital, Techcombank will require the investor to provide additional documents in accordance with the provisions of Vietnamese law, especially for projects in industries sensitive to environmental and social risks. These documents include, but are not limited to, environmental and social risk assessments, environmental impact assessment reports, environmental permits, discharge permits, etc. to ensure that the project is comprehensively appraised and complies with regulations on environmental and social risk management.

Ngoài ra, đối với các dự án đã được phê duyệt cấp tín dụng trước thời điểm Khung Trái Phiếu Xanh được ban hành, nếu đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn lựa chọn dự án xanh theo quy trình lựa chọn và đánh giá hiện hành, thì dự án sẽ được xác định là đủ điều kiện, mà không cần thực hiện lại quy trình rà soát, đánh giá dự án. Nguyên tắc này giúp tiết kiệm thời gian và nguồn lực cho Ngân hàng, nâng cao hiệu quả hoạt động mà vẫn đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn đề ra.

Do đó, Quy trình đánh giá và lựa chọn dự án đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc đảm bảo tính minh bạch, hiệu quả và bền vững của các quyết định đầu tư. Đây là bước then chốt giúp xác định những dự án đáp ứng tiêu chuẩn của Dự Án Đủ Điều kiện, đảm bảo nguồn vốn được phân bổ đúng mục đích. Thông qua quá trình đánh giá chặt chẽ và toàn diện, Ngân hàng có thể giảm thiểu các rủi ro tiềm ẩn, tránh các tác động tiêu cực, và thúc đẩy các dự án có tiềm năng cao, đóng góp vào mục tiêu phát triển bền vững của Ngân hàng nói riêng cũng như của Việt Nam nói chung.

4.3 Quản lý nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu

4.3 Management of bond proceeds

Techcombank sẽ hạch toán “Số Tiền Bán Trái Phiếu” vào các tài khoản chung và đánh dấu để phân bổ cho danh mục các Dự Án Đủ Điều kiện. Số tiền bán trái phiếu được đánh dấu này sẽ được định kỳ điều chỉnh phân bổ cho tổng danh mục các Dự Án Đủ Điều kiện trong suốt thời gian các trái phiếu xanh còn số dư. Hệ thống nội bộ của Techcombank sẽ quản lý các thông tin trái phiếu xanh (bao gồm: ngày phát hành, kỳ hạn, lãi suất, ngày đáo hạn, ngày mua lại (nếu có)...

In addition, for projects that have been approved for credit extension before issuance of the Green Bond Framework, if they fully meet the green project selection standards according to the current selection and evaluation process, they will be determined as eligible without repeating the project review and evaluation process. This principle helps save time and resources for the Bank, improve operational efficiency while ensuring compliance with set standards.

The project evaluation and selection process therefore play a particularly important role in ensuring transparency, efficiency, and sustainability of investment decisions. This is a key step to help identify projects that meet the eligibility criteria, ensuring that capital is allocated for the right purpose. Through a rigorous and comprehensive assessment process, the Bank can mitigate potential risks, avoid negative impacts, and promote high-potential projects that contribute to the Bank's and Vietnam's sustainable development goals.

Techcombank will record the proceeds from each green bond issuance (“Proceeds”) in a general account and earmark these Proceeds to the portfolio of Eligible Projects. These tracked Proceeds are periodically adjusted to match allocations to total eligible projects during the time the Green bonds are outstanding. Techcombank's internal systems will manage information on Green Bonds (including issuance date, tenor, coupon rate, maturity date, and redemption date (if any), etc.

Đồng thời, Techcombank thực hiện theo dõi dữ liệu giải ngân của các Dự Án Đủ Điều kiện giải ngân trước và sau ngày Techcombank phát hành trái phiếu xanh, đã được đánh dấu trên hệ thống nội bộ bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin về số tiền giải ngân, ngày giải ngân, ngày đáo hạn ... để quản lý danh mục các Dự Án Đủ Điều kiện.

Với các Dự Án Đủ Điều kiện đã được giải ngân một phần hoặc toàn bộ trước thời điểm Techcombank phát hành trái phiếu, nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu có thể được phân bổ cho số tiền đã giải ngân của các Dự án này thông qua hình thức tái tài trợ trong thời gian không quá 36 tháng trước ngày phát hành trái phiếu xanh.

Với các Dự Án Đủ Điều kiện là các dự án chưa được giải ngân, Techcombank sẽ phân bổ nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu xanh khi các dự án được giải ngân trong vòng 24 tháng kể từ ngày phát hành trái phiếu.

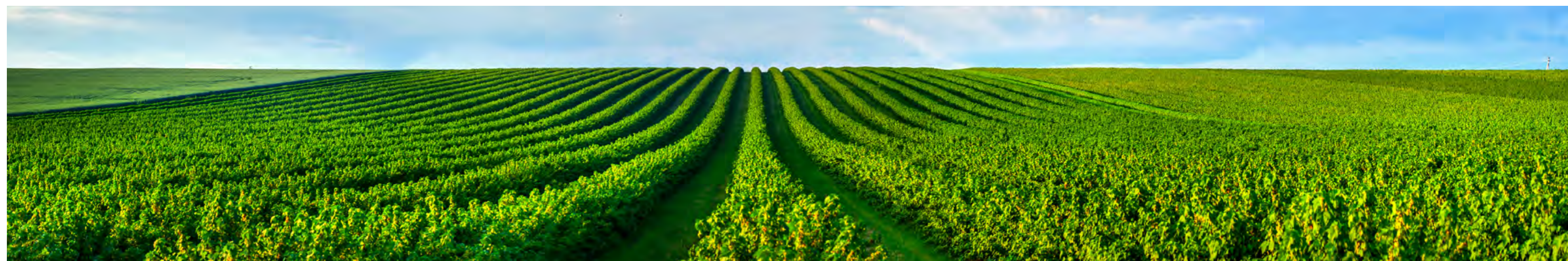
Trong trường hợp số Tiền Bán Trái Phiếu chưa được phân bổ hết cho các Dự Án Đủ Điều kiện sẽ tạm thời được giữ dưới dạng tiền mặt, hoặc tiền gửi tại các Ngân hàng đại lý bao gồm NHNN và/hoặc các tổ chức tín dụng khác, hoặc các khoản tương đương tiền.

At the same time, Techcombank shall monitor disbursement data of Eligible Projects before and after Techcombank's bond issuance, earmarked in Techcombank's internal systems including but not limited to the disbursed amount, disbursement date, maturity date, etc for managing the Eligible Projects portfolio.

Regarding Eligible Projects for which a full or partial disbursement has been made prior to Techcombank's green bond issuance, the Proceeds may be allocated to these projects in the form of refinancing for the amount disbursed up to 36 months before the green bond issuance date.

Regarding Eligible Projects for which no disbursement has yet been made, Techcombank shall allocate the Proceeds from the issuance of green bonds to such projects within 24 months from the date of issuance.

Where the Proceeds have not been fully allocated to Eligible Projects, it shall be temporarily held in cash, cash equivalents, or deposited at correspondent banks including the State Bank of Vietnam and / or other credit institutions.








BÁO CÁO MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG VỐN TRÁI PHIẾU XANH

Report of the use of green bond proceeds

Báo cáo phát hành theo Khung Trái Phiếu Xanh sẽ được Techcombank lập trên cơ sở toàn danh mục, theo đó tổng số tiền thu được của các đợt phát hành trái phiếu xanh tại thời điểm báo cáo được dùng tài trợ cho tổng danh mục của các Dự Án Đủ Điều Kiện. Thời điểm cung cấp báo cáo là định kỳ hàng năm dương lịch cho đến khi hết số dư trái phiếu xanh và bao gồm những thông tin dưới đây:

Reports in accordance with this green bond framework shall be prepared by Techcombank on a portfolio basis where the Proceeds of all outstanding green bonds are used to finance a portfolio of Eligible Projects. The report will be issued on an annual basis so long as the Green Bond is outstanding and include the following information:

 <p>Số tiền thu được từ phát hành trái phiếu cho các Lĩnh vực Dự Án Đủ Điều Kiện</p> <p>Total Bond Proceeds available for Eligible Project Categories;</p>	 <p>Số dư còn lại chưa được phân bổ</p> <p>Unallocated proceeds;</p>	 <p>Tỷ lệ tái tài trợ so với tài trợ mới</p> <p>The ratio of refinancing to financing</p>	 <p>Miêu tả ngắn gọn về các Lĩnh vực Dự Án Đủ Điều Kiện</p> <p>Brief description of Eligible Project Categories</p>	 <p>Dữ liệu được cung cấp tính đến cuối năm trước</p> <p>Data provided as at the end of the previous year</p>
--	--	---	--	---



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

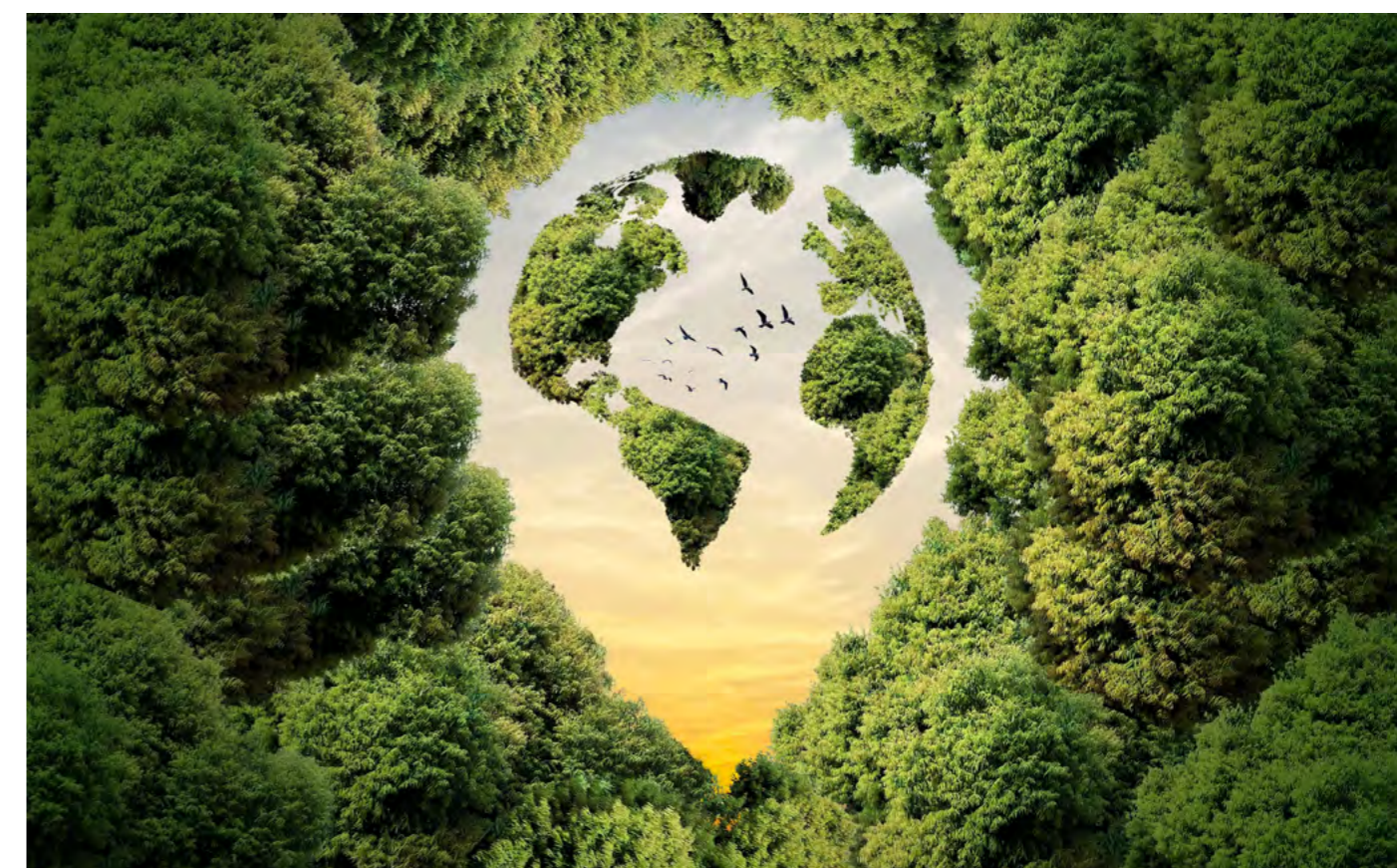
Report of environmental impacts

Techcombank sẽ trình bày báo cáo định tính và/hoặc định lượng về tác động môi trường trên cơ sở hàng năm bằng việc tham khảo một số các chỉ số ví dụ tại phụ lục III. Căn cứ vào thỏa thuận giữa Techcombank và khách hàng, các yếu tố về cạnh tranh và trong phạm vi các khuôn khổ thông tin được phép công bố của dự án, thông tin có thể được trình bày theo cấp độ dự án hoặc theo danh mục.

Techcombank will issue qualitative and/or quantitative impact reporting on an annual basis by referring to examples of indicators in Appendix III. Based on non-disclosure agreements between Techcombank and customers, competitive factors, and the scope of disclosable information, data may be presented at project level or portfolio level.

Tất cả các báo cáo và công bố thông tin liên quan đến các trái phiếu xanh của Techcombank được công bố trên trang thông tin điện tử của Techcombank tại địa chỉ: <https://www.techcombank.com.vn/>.

All reports and information related to Techcombank's green bonds shall be published on Techcombank's website at <https://www.techcombank.com.vn/>.



Đánh giá bên ngoài

External Review

5.1 Ý kiến bên thứ 2 (SPO)

5.1 Second Party Opinions (SPO)

Để bảo đảm tính tuân thủ của Khung Trái Phiếu Xanh với Bộ nguyên tắc trái phiếu xanh của Hiệp hội Thị trường Vốn Quốc tế (ICMA), Techcombank đã lựa chọn một đơn vị đánh giá bên ngoài độc lập và có uy tín cung cấp dịch vụ Ý kiến bên thứ hai cho Khung Trái Phiếu Xanh của mình. Khung trái phiếu và ý kiến của bên thứ hai được công bố trên trang thông tin điện tử của Techcombank: <https://www.techcombank.com.vn/>.

To ensure compliance with the Green Bond Principles of ICMA, Techcombank has selected an independent and reputable external reviewer to provide the Second Party Opinion on our Green Bond Framework. The Framework and Second Party Opinions are published on Techcombank's website: <https://www.techcombank.com.vn/>.



5.2 Đánh giá sau phát hành

5.2 Post-issuance review

Để đảm bảo tính minh bạch của việc sử dụng vốn từ trái phiếu xanh, ngoài việc tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam đối với việc báo cáo mục đích sử dụng vốn sau phát hành với các trái phiếu nói chung, Techcombank sẽ thuê một đơn vị đánh giá bên ngoài thực hiện đánh giá riêng cho các báo cáo hàng năm của Techcombank về phân bổ sử dụng vốn của các đợt phát hành trái phiếu xanh thực hiện theo Khung Trái Phiếu Xanh. Đánh giá này sẽ được công bố trên trang thông tin điện tử của Techcombank: <https://www.techcombank.com.vn/>.

To ensure transparency of the use of green bond proceeds, in addition to compliance with Vietnamese laws and regulations on post-issuance reports, Techcombank shall engage an external reviewer to provide post-issuance review exclusively for the annual report on the allocation of proceeds from the green bond issuances under this Green Bond Framework. These reviews shall be published on Techcombank's website: <https://www.techcombank.com.vn/>.



Phụ lục I: Tiêu chuẩn dự án đủ điều kiện

Appendix I: Criteria for eligible projects

❖ | Phụ lục I: Tiêu chuẩn dự án đủ điều kiện

Appendix I: Criteria for eligible projects

Các tài sản / dự án xanh sẽ phải đem lại ít nhất 1 trong các lợi ích môi trường dưới đây:

- Giảm thiểu gây biến đổi khí hậu;
- Ứng phó với biến đổi khí hậu;
- Bảo vệ môi trường tự nhiên, hệ sinh thái tự nhiên và đa dạng sinh học;
- Phòng chống và kiểm soát ô nhiễm;
- Áp dụng kinh tế tuần hoàn;
- Sử dụng tài nguyên thiên nhiên bền vững, bảo vệ và tiết kiệm các nguồn tài nguyên.

Theo nguyên tắc trên, danh sách dưới đây liệt kê Danh mục các dự án xanh đủ điều kiện. Danh sách này chỉ mang tính tham khảo và các dự án chưa liệt kê trong danh sách này vẫn có thể được coi là các Dự Án Đủ Điều Kiện nếu đáp ứng nguyên tắc lợi ích môi trường nêu trên.

Lưu ý: Các dự án tài trợ trực tiếp chuỗi giá trị nhiên liệu hóa thạch, ví dụ dự án giảm phát thải thuộc các ngành/ hoạt động hỗ trợ nhiên liệu hóa thạch, dự án tài trợ trực tiếp tài sản hoặc thiết bị sử dụng nhiên liệu hóa thạch và các phương tiện thương mại dành riêng để vận chuyển nhiên liệu hóa thạch, sẽ không đủ điều kiện.

The eligible green assets / projects must contribute to at least one of the following environmental objectives:

- *Climate change mitigation;*
- *Climate change adaptation;*
- *Protection of the natural environment, ecosystem and bio-diversity;*
- *Pollution prevention and control;*
- *Circular economy application;*
- *Sustainable use and conservation of natural resources.*

In line with the aforementioned principle, the table below lists out examples of Eligible Projects. Please be noted that this List only serves as a reference and projects not mentioned in this List shall still be deemed Eligible Projects if they satisfy the aforementioned principle.


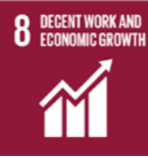

Note: Projects directly financing fossil fuel value chain, such as emission reduction projects supporting fossil fuel industries/ activities, projects financing fossil fuel assets or equipment, and commercial vehicles dedicated to or exclusively transporting fossil fuels, are not eligible.


STT	Các lĩnh vực dự án xanh đủ điều kiện <i>Eligible project Categories</i>	Tiêu chí phân loại <i>Classification criteria</i>	Phù hợp với tiêu chí của ICMA <i>Alignment with ICMA's classification</i>	Phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc <i>Alignment with UN SDGs</i>
1	Năng lượng tái tạo, năng lượng sạch <i>Renewable energy, clean energy</i>	<p>Các dự án, kế hoạch đầu tư xây dựng và vận hành các cơ sở sản xuất/ trang thiết bị của năng lượng tái tạo như:</p> <p>Năng lượng gió; Năng lượng mặt trời; Các dự án thủy điện quy mô nhỏ với công suất không vượt quá 10 MW; Năng lượng mới, năng lượng sạch khác (VD: địa nhiệt)</p> <p><i>Projects and plans for investment in the construction and operation of renewable energy plants/ equipment such as:</i></p> <p><i>Wind energy;</i> <i>Solar energy;</i> <i>Small-scale hydropower projects with capacity under 10 MW;</i> <i>Other forms of clean energy (e.g. geothermal energy)</i></p> <p>Lưu ý: <i>Note:</i> Dự án năng lượng địa nhiệt, lượng phát thải khí nhà kính trong suốt vòng đời đến từ việc phát điện của toàn bộ cơ sở phải dưới 100 gCO₂e/kWh. <i>For geothermal energy projects, the lifecycle greenhouse gas emissions from the generation of electricity by the entire facility must be less than 100 gCO₂e/kWh</i></p> <p>Các dự án xây dựng và vận hành hệ thống lưới điện thông minh. <i>Smart grid construction and operation projects.</i></p>	Năng lượng tái tạo <i>Renewable energy</i>	Mục tiêu 7. Năng lượng sạch và giá thành hợp lý <i>Goal 7. Affordable and clean energy</i>







STT	Các lĩnh vực dự án xanh đủ điều kiện <i>Eligible project Categories</i>	Tiêu chí phân loại <i>Classification criteria</i>	Phù hợp với tiêu chí của ICMA <i>Alignment with ICMA's classification</i>	Phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc <i>Alignment with UN SDGs</i>
2	Công nghiệp xanh <i>Green Industries</i>	<p>Tiết kiệm tài nguyên (năng lượng, nước...) trong sản xuất công nghiệp; <i>Saving natural resources (energy, water efficiency...) in industrial production;</i></p> <p>Giảm thiểu phát thải trong sản xuất công nghiệp (VD: Dự án cải tạo lọc bụi ở nhà máy điện, nhà máy thép, nhà máy xi măng); <i>Reduction of emissions in industrial production (e.g. Dust filtration projects in power plants, steel factories, cement factories);</i></p> <p>Tận dụng nhiệt dư và áp suất dư từ hệ thống sử dụng năng lượng tái tạo. <i>Utilization of excess heat and pressure from the system powered by renewable energy.</i></p> <p>Dự án nhằm cải tạo và xây dựng không gian làm việc và nhà máy để đảm bảo vệ sinh, an toàn lao động, và mang lại các lợi ích môi trường như tăng hiệu quả năng lượng, tối ưu hóa việc sử dụng nước, quản lý chất thải hiệu quả và cải thiện chất lượng không khí trong nhà...</p> <p><i>Projects aimed at renovating and constructing workspaces and factories to ensure hygiene, occupational safety, and provide environmental benefits such as energy efficiency, optimized water usage, effective waste management, and improved indoor air quality, etc.</i></p> <p>Lưu ý: <i>Note:</i> Các dự án trong lĩnh vực xanh này cần đạt được mức tiết kiệm năng lượng tối thiểu là 10%. <i>Projects under this green eligibility category need to achieve at least 10% energy savings.</i></p>	Hiệu quả năng lượng <i>Energy efficiency</i> Ngăn ngừa và kiểm soát ô nhiễm <i>Pollution prevention and control</i>	Mục tiêu 9. Công nghiệp, sáng tạo và phát triển hạ tầng <i>Goal 9. Industry, Innovation and Infrastructure</i>





STT	Các lĩnh vực dự án xanh đủ điều kiện <i>Eligible project Categories</i>	Tiêu chí phân loại <i>Classification criteria</i>	Phù hợp với tiêu chí của ICMA <i>Alignment with ICMA's classification</i>	Phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc <i>Alignment with UN SDGs</i>
3	Cung cấp các dịch vụ bảo vệ môi trường, tiết kiệm tài nguyên <i>Provision of environmental protection and energy-efficient services</i>	<p>Cung cấp dịch vụ tiết kiệm năng lượng, ví dụ: <i>Provision of energy efficiency service, for example:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> Dịch vụ tư vấn về thử nghiệm, nhân rộng ứng dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng; <i>Consulting services on testing, replicating and applying energy saving technologies;</i> Thiết kế kiến trúc và công nghệ tiết kiệm năng lượng; <i>Architecture and technology design for energy efficiency;</i> Dịch vụ tư vấn đánh giá hiệu quả tiết kiệm năng lượng; <i>Consulting services on energy efficiency assessment</i> <p>Cung cấp dịch vụ bảo vệ môi trường, ví dụ: <i>Provision of environmental protection services, for example:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> Dịch vụ điều tra, đánh giá rủi ro môi trường ở khu vực ô nhiễm; <i>Environmental risk assessment and investigation services in contaminated areas;</i> Vận hành và bảo trì trang thiết bị phục vụ đánh giá tính an toàn của môi trường; <i>Operation and maintenance of equipment for environmental safety assessment</i> Dịch vụ dự báo và đánh giá hiệu quả xử lý ô nhiễm; <i>Forecast and assessment the effectiveness of pollution treatment</i> Đào tạo nhân viên điều tra môi trường. <i>Training of environmental investigators</i> <p>Lưu ý: <i>Note:</i> Các dự án trong lĩnh vực xanh này cần đạt được mức tiết kiệm năng lượng tối thiểu là 10% <i>Projects under this green eligibility category need to achieve at least 10% energy savings.</i></p>	Phòng chống và kiểm soát ô nhiễm <i>Pollution prevention and control</i>	<p>Mục tiêu 7. Năng lượng sạch và giá thành hợp lý <i>Goal 7. Affordable and clean energy</i></p> <p>Mục tiêu 8. Công việc tốt và tăng trưởng kinh tế <i>Goal 8. Decent Work and Economic Growth</i></p> <p>Mục tiêu 9. Công nghiệp, sáng tạo và phát triển hạ tầng <i>Goal 9. Industry, Innovation and Infrastructure</i></p>   

STT	Các lĩnh vực dự án xanh đủ điều kiện <i>Eligible project Categories</i>	Tiêu chí phân loại <i>Classification criteria</i>	Phù hợp với tiêu chí của ICMA <i>Alignment with ICMA's classification</i>	Phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc <i>Alignment with UN SDGs</i>
4	Giao thông bền vững <i>Sustainable transportation</i>	<p>Phát triển hạ tầng giao thông bền vững, ví dụ: <i>Development of sustainable transportation infrastructure, for example:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> Xây dựng và lắp đặt các hệ thống đèn đường thông minh sử dụng tấm pin năng lượng mặt trời; <i>Construction and installment of smart street light systems powered by solar panels</i> <p>Giảm phát thải từ các phương tiện giao thông, ví dụ: <i>Reduction of emissions from vehicles, for example:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> Đầu tư, sản xuất, sử dụng và kinh doanh các loại xe điện (ô tô điện, xe máy điện, ...); <i>Investment in, manufacturing, use and trade of electric vehicles (electric cars, electric motorcycles, etc.)</i> Sử dụng nhiên liệu sạch để cung cấp năng lượng cho các phương tiện., cụ thể là hydro xanh và các chế phẩm từ hydro xanh. Nhiên liệu sạch không bao gồm các loại nhiên liệu như khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) và khí tự nhiên nén (CNG). <i>Use clean fuels, specifically green hydrogen and its derivatives, to power vehicles. This excludes fuels like liquefied petroleum gas and compressed natural gas.</i> <p>Phát triển cơ sở hạ tầng sản xuất xe điện <i>Development of electric vehicle manufacturing infrastructure:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> Đầu tư xây dựng, lắp đặt và cải tạo các nhà máy và dây chuyền sản xuất xe điện. <i>Investment in the construction, installation, and renovation of electric vehicle factories and production lines.</i> 	Giao thông sạch <i>Clean transportation</i>	<p>Mục tiêu 11. Các thành phố và cộng đồng bền vững <i>Goal 11. Sustainable Cities and Communities</i></p> 



STT	Các lĩnh vực dự án xanh đủ điều kiện <i>Eligible project Categories</i>	Tiêu chí phân loại <i>Classification criteria</i>	Phù hợp với tiêu chí của ICMA <i>Alignment with ICMA's classification</i>	Phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc <i>Alignment with UN SDGs</i>
5	Công trình xây dựng xanh <i>Green Construction</i>	<p>Xây dựng, cải tạo các công trình dân dụng/khu công nghiệp sử dụng tiết kiệm và hiệu quả năng lượng, nước, tài nguyên; <i>Construction and renovation of civil constructions/industrial parks with efficient use of energy, water and resources</i></p> <p>Sản xuất, quản lý vật liệu xây dựng bền vững, thân thiện với môi trường; <i>Manufacturing and management of sustainable and environmentally friendly building materials;</i></p> <p>Xây dựng, cải tạo các công trình xây dựng đạt một trong các chứng chỉ xanh sau: LEED (hạng Vàng hoặc cao hơn), EDGE (Được chứng nhận hoặc đạt hạng cao hơn), Chứng nhận công trình xanh Việt Nam LOTUS (Được chứng nhận hoặc đạt hạng cao hơn), BREEAM (Hạng xuất sắc hoặc cao hơn), hoặc các chứng chỉ công trình xanh tương đương. <i>Construction and renovation of construction works to achieve one of the following green certificates: LEED (Gold or higher), EDGE (Certified or higher), Vietnam GBC Lotus Certification (Certified or higher), and BREEAM (Excellent or higher) or other equivalent green construction certificates.</i></p> <p>Lưu ý: <i>Notes:</i> Dự án cải tạo công trình xây dựng cần giảm được ít nhất 20% mức tiêu thụ năng lượng so với hiệu suất trung bình của các tòa nhà hiện có tương đương. <i>Renovation projects for buildings must achieve at least a 20% reduction in energy consumption compared to the average performance of equivalent existing buildings.</i></p>	Tòa nhà xanh <i>Green buildings</i>	<p>Mục tiêu 11. Các thành phố và cộng đồng bền vững <i>Goal 11. Sustainable Cities and Communities</i></p> 

STT	Các lĩnh vực dự án xanh đủ điều kiện <i>Eligible project Categories</i>	Tiêu chí phân loại <i>Classification criteria</i>	Phù hợp với tiêu chí của ICMA <i>Alignment with ICMA's classification</i>	Phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc <i>Alignment with UN SDGs</i>
6-1	Nông nghiệp xanh <i>Green agriculture</i>	<p>Sản xuất nông nghiệp hiện đại theo hướng hội nhập, ví dụ: <i>Modern and globalized agriculture, for example:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> Dự án đầu tư cơ sở nuôi, gây giống cây trồng phục vụ thương mại hóa, bao gồm các dự án liên quan đến hạt giống góp phần vào việc thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu. Ví dụ: các dự án liên quan đến các giống cây đóng góp thích ứng biến đổi khí hậu, ví dụ các chủng giống có khả năng thích nghi, hạt giống từ các loài cây bản địa, hạt giống hữu cơ được chứng nhận và các loại tương tự khác. <i>Investment in plant breeding facilities for commercial purposes. For example, projects involving seeds that contribute to climate change adaptation and mitigation, such as adaptive varieties, seeds from native species, certified organic seeds, and other similar schemes.</i> Dự án xây dựng năng lực cung cấp hạt giống cho sản xuất (mạng lưới ươm cây giống, phân phối, vận chuyển, v.v.); <i>Capacity building for seed production (networks of seedling nurseries, distribution, transportation, etc.);</i> Mua sắm thiết bị cơ giới hóa, xây dựng đồng bộ các khâu làm khô, lựa chọn, gia công, chế biến, cất trữ, kiểm tra giống; <i>Procurement of mechanized equipment, construction of facilities for drying, selection, processing, preservation and testing seeds;</i> <p>Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: <i>High-tech agriculture</i></p> <p>Dự án nông nghiệp công nghệ cao được chứng nhận bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Bộ Khoa học và Công nghệ <i>High-tech agriculture projects certified by the Ministry of Agriculture and Rural Development or Ministry of Science and Technology</i></p> <p>Nông nghiệp sạch, ví dụ như: <i>Clean agriculture, for instance:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> Dự án được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao <i>Projects with Certificate of high-tech agricultural enterprise</i> 	Quản lý tài nguyên thiên nhiên sống và sử dụng đất theo hướng bền vững với môi trường <i>Environmentally sustainable management of living natural resources and land use</i>	<p>Mục tiêu 2. Không còn nạn đói <i>Goal 2: Zero Hunger</i></p> <p>Mục tiêu 12. Tiêu thụ và sản xuất có trách nhiệm <i>Goal 12: Responsible Consumption and Production</i></p> <p>Mục tiêu 15. Tài nguyên và môi trường trên đất liền <i>Goal 15: Life on Land</i></p>   



STT	Các lĩnh vực dự án xanh đủ điều kiện <i>Eligible project Categories</i>	Tiêu chí phân loại <i>Classification criteria</i>	Phù hợp với tiêu chí của ICMA <i>Alignment with ICMA's classification</i>	Phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc <i>Alignment with UN SDGs</i>
6-2		<ul style="list-style-type: none"> Dự án sản xuất nông nghiệp được chứng nhận VietGAP theo Thông tư số 48/2012/TT-BNNPTNT <i>Agricultural production project with VietGAP Certificate according to Circular No. 48/2012/TT-BNNPTNT</i> Các dự án khác có chứng chỉ như GlobalGAP, ASC, MSC... <i>Other projects certified by GlobalGAP, ASC, MSC...</i> <p>Lưu ý/Note: Dự án trong lĩnh vực này đều phải được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định tại Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNT ngày 12/11/2013 <i>All projects in this category must be certified with Certificates of Food Safety according to the regulations in Circular No. 48/2013/TT-BNNPTNT dated November 12, 2013</i></p> <p>Nông nghiệp hữu cơ, ví dụ như: <i>Bio-agriculture, for instance:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> Dự án sản xuất các sản phẩm hữu cơ được bên thứ ba chứng nhận theo tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) về nông nghiệp hữu cơ hoặc tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài được áp dụng trong sản xuất sản phẩm hữu cơ; <i>Projects to produce organic products certified by a third party according to national standards) on organic agriculture or international standards, regional standards, and foreign standards applied in organic product manufacturing;</i> Dự án không dùng các vật tư là chất hóa học tổng hợp trong tất cả các giai đoạn của chuỗi sản xuất, tránh trường hợp con người và môi trường tiếp xúc với các hóa chất độc hại, giảm thiểu ô nhiễm ở nơi sản xuất và môi trường chung quanh; <i>Projects that do not use synthetic chemicals in all stages of the production chain to avoid human and environmental exposure to toxic chemicals, minimizing pollution at the production site and surrounding environment;</i> Dự án không sử dụng công nghệ biến đổi gen, phóng xạ và công nghệ khác có hại cho sản xuất hữu cơ. <i>The project that does not use genetically modified technology, radiation, and other technologies harmful to organic production.</i> 	<p>Quản lý tài nguyên thiên nhiên sống và sử dụng đất theo hướng bền vững với môi trường <i>Environmentally sustainable management of living natural resources and land use</i></p>	<p>Mục tiêu 2. Không còn nạn đói <i>Goal 2: Zero Hunger</i></p> <p>Mục tiêu 12. Tiêu thụ và sản xuất có trách nhiệm <i>Goal 12: Responsible Consumption and Production</i></p> <p>Mục tiêu 15. Tài nguyên và môi trường trên đất liền <i>Goal 15: Life on Land</i></p> 

STT	Các lĩnh vực dự án xanh đủ điều kiện <i>Eligible project Categories</i>	Tiêu chí phân loại <i>Classification criteria</i>	Phù hợp với tiêu chí của ICMA <i>Alignment with ICMA's classification</i>	Phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc <i>Alignment with UN SDGs</i>
6-3		<p>Nông nghiệp giảm phát thải khí nhà kính (nông nghiệp các bon thấp), thích ứng thông minh với biến đổi khí hậu, ví dụ: <i>Reduction of greenhouse gases in agriculture (low-carbon agriculture), smart adaptation to climate change, for example:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> Áp dụng công nghệ, quy trình sử dụng tiết kiệm hiệu quả giống, thức ăn, vật tư, tài nguyên (đất, nước....) trong sản xuất nông nghiệp. <i>Application of technologies and procedures with high breed/feed/supplies/resources (soil, water, etc.) efficiency in agricultural production.</i> <p>Lưu ý/Notes: Các dự án liên quan đến nạn phá rừng hoặc/và làm mất đa dạng sinh học sẽ không đủ điều kiện. <i>Projects associated with deforestation and/or biodiversity loss are not eligible.</i></p>	<p>Quản lý tài nguyên thiên nhiên sống và sử dụng đất theo hướng bền vững với môi trường <i>Environmentally sustainable management of living natural resources and land use</i></p>	<p>Mục tiêu 2. Không còn nạn đói <i>Goal 2: Zero Hunger</i></p> <p>Mục tiêu 12. Tiêu thụ và sản xuất có trách nhiệm <i>Goal 12: Responsible Consumption and Production</i></p> <p>Mục tiêu 15. Tài nguyên và môi trường trên đất liền <i>Goal 15: Life on Land</i></p> 

STT	Các lĩnh vực dự án xanh đủ điều kiện <i>Eligible project Categories</i>	Tiêu chí phân loại <i>Classification criteria</i>	Phù hợp với tiêu chí của ICMA <i>Alignment with ICMA's classification</i>	Phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc <i>Alignment with UN SDGs</i>
-----	--	--	--	---

7	Lâm nghiệp bền vững <i>Sustainable forestry</i>	<p>Các dự án bảo tồn và phát triển rừng, ví dụ: <i>Forest conservation and development projects, for example:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> Dự án trồng rừng; <i>Reforestation projects;</i> Dự án cải tạo đất rừng; <i>Forest land improvement projects;</i> Dự án cải tạo đất rừng từ hiệu quả thấp thành hiệu quả cao; <i>Low to high efficiency forest land improvement projects;</i> Dự án bảo tồn và quản lý các khu rừng ngập mặn theo cơ chế đồng lợi ích; <i>Mangrove forest conservation and management projects under co-benefit mechanism;</i> <p>Lưu ý: Dự án cần đồng thời thỏa mãn hai điều kiện sau: <i>Notes: The project must simultaneously meet the following two conditions:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> Dự án cần cung cấp tài liệu theo yêu cầu của pháp luật Việt Nam, ví dụ chứng nhận theo Thông tư 23/2013/TT-BNNPTNT; <i>Projects must provide documentation required by Vietnam's laws, such as certification under Circular 23/2013/TT-BNNPTNT;</i> Dự án cần đạt được ít nhất một hoặc đồng thời nhiều chứng nhận rừng sau, ví dụ: <i>The project must obtain at least one or multiple of the following forest certification, such as:</i> Chứng nhận FSC; <i>FSC certification;</i> Chứng nhận PEFC; <i>PEFC certification;</i> Tuân thủ hướng dẫn của VFCO. <i>Adherence to VFCO guidelines.</i> <p>Phát triển kinh tế lâm nghiệp và dịch vụ rừng (VD: Dự án phát triển sản xuất, kết hợp trồng trọt và chăn nuôi trong môi trường sinh thái rừng) <i>Development of forestry economy and forest services (e.g., projects for production development, integrating crop cultivation and livestock breeding in forest ecosystem)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> Đầu tư, phát triển các loại giống cây trồng lâm nghiệp. <i>Forestry seedlings investment and development.</i> <p>Lưu ý/Notes: Dự án đầu tư chăn nuôi trên đất rừng dẫn đến tăng tổng cá thể trong đàn sẽ không đủ điều kiện <i>Projects relating to livestock in forest that increase the total herd size are not eligible.</i></p>	<p>Quản lý tài nguyên thiên nhiên sống và sử dụng đất theo hướng bền vững với môi trường <i>Environmentally sustainable management of living natural resources and land use</i></p>	<p>Mục tiêu 12. Tiêu thụ và sản xuất có trách nhiệm <i>Goal 12: Responsible Consumption and Production</i> Mục tiêu 15. Tài nguyên và môi trường trên đất liền <i>Goal 15: Life on Land</i></p>  
---	--	---	---	---

STT	Các lĩnh vực dự án xanh đủ điều kiện <i>Eligible project Categories</i>	Tiêu chí phân loại <i>Classification criteria</i>	Phù hợp với tiêu chí của ICMA <i>Alignment with ICMA's classification</i>	Phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc <i>Alignment with UN SDGs</i>
-----	--	--	--	---

8	Quản lý nước bền vững tại khu vực đô thị và nông thôn <i>Sustainable Water Management in Urban and Rural Areas</i>	<p>Quản lý nước bền vững tại thành phố, ví dụ: <i>Sustainable water management in cities, for example:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> Dự án cải tạo hệ thống cấp nước sinh hoạt ở thành phố nhằm giảm tỷ lệ thất thoát nước, rò rỉ nước; <i>Urban water supply system renovation projects to reduce water loss and leakage;</i> Dự án xây dựng và cải tạo hệ thống cấp nước sinh hoạt tại thành phố đảm bảo hợp vệ sinh, cấp nước hiệu quả cho các hộ dân; <i>Urban drinking water supply system construction and renovation projects to ensure hygiene and effective water supply for households;</i> Công trình tái sử dụng nước thải sinh hoạt đã qua xử lý; <i>Treated domestic wastewater reuse projects;</i> Dự án đầu tư hệ thống thu thập, xử lý và tái sử dụng nguồn nước mưa tại khu vực đô thị; <i>Projects of rainwater collection, treatment and reuse system in urban areas</i> <p>Xây dựng cơ sở hạ tầng thủy lợi dành cho sản xuất nông nghiệp. <i>Irrigation infrastructure construction for agricultural production</i></p> <p>Lưu ý/ Note: Dự án trong lĩnh vực này, liên quan đến thủy lợi cho sản xuất nông nghiệp phải đạt được ít nhất 20% tiết kiệm nước so với các phương pháp thông thường. <i>The agricultural irrigation projects in this category must achieve at least a 20% water saving compared to conventional practices.</i></p>	<p>Quản lý nước và nước thải theo hướng bền vững <i>Sustainable water and wastewater management</i></p>	<p>Mục tiêu 6. Nước sạch và vệ sinh <i>Goal 6: Clean Water and Sanitation</i> Mục tiêu 11. Các thành phố và cộng đồng bền vững <i>Goal 11. Sustainable Cities and Communities</i></p>  
---	---	--	---	---

STT	Các lĩnh vực dự án xanh đủ điều kiện <i>Eligible project Categories</i>	Tiêu chí phân loại <i>Classification criteria</i>	Phù hợp với tiêu chí của ICMA <i>Alignment with ICMA's classification</i>	Phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc <i>Alignment with UN SDGs</i>
9	Xử lý chất thải và phòng chống ô nhiễm <i>Waste treatment and pollution prevention control</i>	<p>Xử lý nước thải; <i>Wastewater treatment;</i></p> <p>Xử lý rác thải, ví dụ: <i>Waste disposal, for example:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> Dự án xây dựng và vận hành cơ sở thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt; <i>Waste collection and treatment facility construction and operations projects for residents;</i> Dự án xử lý chất thải rắn công nghiệp; <i>Industrial solid waste disposal projects;</i> Dự án xử lý chất thải rắn nguy hại. <i>Hazardous solid waste disposal projects.</i> <p>Lưu ý/ Notes: Dự án trong lĩnh vực này thu gom và xử lý chất thải phải đảm bảo rằng chất thải được xử lý theo cách thân thiện với môi trường, chẳng hạn như tái chế, ủ phân, tiêu hóa kỵ khí, chuyển đổi chất thải thành năng lượng hoặc các phương pháp xử lý chất thải tiên tiến khác. <i>Waste collection and treatment projects, in this category, must ensure that waste is disposed in an environmentally sound manner, such as recycling, composting, anaerobic digestion, waste-to-energy, or other advanced waste treatment methods.</i></p> <p>Phòng chống ô nhiễm, ví dụ: <i>Pollution prevention, for example:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> Dự án xây dựng công trình xử lý và ngăn chặn ô nhiễm các dòng chảy; <i>Waterflow pollution handling and prevention projects;</i> Dự án đầu tư công nghệ cải thiện chất lượng nguồn nước; <i>Technology investment projects to improve water quality;</i> Dự án giảm thiểu và phòng chống ô nhiễm không khí (bụi, khí). <i>Air pollution mitigation and prevention projects (dust, gases).</i> <p>Lưu ý/ Notes: Dự án trong lĩnh vực này liên quan đến việc xử lý rác thải bằng cách chôn lấp sẽ không đủ điều kiện; <i>Projects in this category, involving disposal to landfill are not eligible;</i></p> <p>Dự án trong lĩnh vực này dẫn đến việc tăng khối lượng chôn lấp sẽ không đủ điều kiện; <i>Projects in this category that result in increased landfill volumes are not eligible;</i></p>	Phòng chống và kiểm soát ô nhiễm <i>Pollution prevention and control</i>	Mục tiêu 11. Các thành phố và cộng đồng bền vững <i>Goal 11. Sustainable Cities and Communities</i>



STT	Các lĩnh vực dự án xanh đủ điều kiện <i>Eligible project Categories</i>	Tiêu chí phân loại <i>Classification criteria</i>	Phù hợp với tiêu chí của ICMA <i>Alignment with ICMA's classification</i>	Phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc <i>Alignment with UN SDGs</i>
9		Dự án Chuyển đổi Chất thải thành Năng lượng (WtE) không đảm bảo phân loại và thu hồi phần lớn các vật liệu có thể tái chế (như nhựa, kim loại và giấy) trước khi chuyển đổi chất thải còn lại thành năng lượng không đủ điều kiện. <i>Waste-to-Energy (WtE) projects that do not ensure the segregation and recovery of the majority of recyclable materials (such as plastics, metals, and paper) before converting residual waste to energy are not eligible.</i>		
10	Bảo tồn đa dạng sinh học trên cạn và dưới nước, và thích ứng với biến đổi khí hậu <i>Terrestrial and aquatic biodiversity conservation and climate change adaptation</i>	<p>Các dự án về kế hoạch xây dựng khu bảo tồn thiên nhiên (rừng, biển, khu cứu hộ, nuôi dưỡng động vật hoang dã, sa mạc); <i>Nature reserve construction plans (forests, sea, wildlife rescue and rearing areas, desert);</i></p> <p>Khôi phục sinh thái, ví dụ: <i>Ecological restoration, for example:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> Dự án cải tạo tổng hợp môi trường vùng đất ngập nước; <i>Consolidated wetland environment improvement project;</i> Dự án khôi phục sinh thái vùng đất ngập mặn. <i>Mangrove ecological restoration projects.</i> <p>Phòng chống thiên tai, ví dụ: <i>Prevention of natural disasters, for example:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> Các công trình phòng, chống bão lụt; <i>Storm and flood prevention and control works;</i> Các công trình sinh thái thủy lợi, chống lũ lụt; <i>Ecological irrigation and flood control works;</i> Dự án chống hạn hán, bảo vệ nguồn nước; <i>Drought prevention and water conservation projects;</i> Dự án gia cố đê điều; <i>Dike reinforcement projects;</i> Dự án công trình xử lý tổng hợp chống xói mòn đất. <i>Soil erosion prevention and integrated treatment projects.</i> <p>Lưu ý/ Note: Dự án trong lĩnh vực này liên quan đến việc du nhập các loài xâm lấn không đủ điều kiện. <i>Projects in this category, involving the introduction of invasive species are not eligible.</i></p>	Bảo tồn đa dạng sinh học trên cạn và dưới nước <i>Terrestrial and aquatic biodiversity conservation</i> Thích ứng với biến đổi khí hậu <i>Climate change adaptation</i>	Mục tiêu 11. Các thành phố và cộng đồng bền vững <i>Goal 11. Sustainable Cities and Communities</i>



STT	Các lĩnh vực dự án xanh đủ điều kiện <i>Eligible project Categories</i>	Tiêu chí phân loại <i>Classification criteria</i>	Phù hợp với tiêu chí của ICMA <i>Alignment with ICMA's classification</i>	Phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc <i>Alignment with UN SDGs</i>
11	Tái chế, tái sử dụng các nguồn tài nguyên <i>Recycling, reusing natural resources</i>	<p>Tái sử dụng nguồn tài nguyên <i>Repurposing resources</i></p> <ul style="list-style-type: none"> • Khoáng sản; <i>Minerals;</i> • Chất thải rắn thông thường; <i>Ordinary solid waste;</i> • Chất thải trong xây dựng và làm đường; <i>Waste in construction and road making;</i> • Vật liệu tháo dỡ và chế tạo; <i>Dismantled and manufactured materials;</i> • Các phụ phẩm, phế thải trong nông nghiệp, lâm nghiệp; <i>By-products and waste in agriculture and forestry;</i> • Tài nguyên tái sinh <i>Renewable resources</i> <p>Lưu ý/ Note: Dự án trong lĩnh vực này cần có ít nhất một nhãn sinh thái hoặc chứng nhận môi trường địa phương/quốc tế phù hợp, ví dụ: <i>Projects in this category, must obtain at least one eco-labels or local/international environmental certifications, such as FSC, Rainforest Alliance, VSC, etc:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> • Chứng chỉ FSC; <i>FSC certification;</i> • Chứng chỉ Rainforest Alliance; <i>Rainforest Alliance certification.</i> • Chứng chỉ VSC; <i>VSC certification.</i> 	Các sản phẩm, công nghệ và quy trình sản xuất thích ứng với hiệu quả sinh thái và/ hoặc kinh tế tuần hoàn <i>Product, technology and production processes with strong adaptation to eco-efficiency and/or circular economy</i>	Mục tiêu 12. Tiêu thụ và sản xuất có trách nhiệm <i>Goal 12: Responsible Consumption and Production</i>

❖ | Phụ lục II: Các tiêu chí loại trừ

Appendix II: Exclusions

Không chỉ phù hợp với nguyên tắc tiêu chuẩn quốc tế do IFC ban hành, Techcombank cũng tuyệt đối tuân thủ không cấp tín dụng cho những dự án sau mà gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường xã hội, cũng như các ngành nghề kinh doanh mà luật pháp Việt Nam không cho phép:

Phần 1. Danh mục các lĩnh vực kinh doanh, dự án đầu tư mà Techcombank không tài trợ theo nguyên tắc của IFC

- Sản xuất hoặc buôn bán bất kỳ sản phẩm hoặc hoạt động nào được coi là bất hợp pháp theo luật hoặc quy định của nước sở tại hoặc các công ước và thỏa thuận quốc tế hoặc bị cấm vận quốc tế, chẳng hạn như dược phẩm, thuốc trừ sâu / thuốc diệt cỏ, chất làm suy giảm tầng ôzôn, PCB, động vật hoang dã hoặc các sản phẩm được điều chỉnh theo Công ước CITES.
- Sản xuất, kinh doanh vũ khí, đạn dược⁽¹⁾
- Sản xuất, kinh doanh đồ uống có cồn (không bao gồm bia, rượu)⁽¹⁾
- Sản xuất, kinh doanh thuốc lá⁽¹⁾
- Doanh nghiệp kinh doanh cờ bạc, sòng bạc và các doanh nghiệp tương đương⁽¹⁾
- Sản xuất, kinh doanh vật liệu phóng xạ. Khoản này không áp dụng đối với việc mua thiết bị y tế, thiết bị kiểm tra chất lượng (đo lường) và bất kỳ thiết bị nào mà IFC coi nguồn phóng xạ là tầm thường và / hoặc được che chắn đầy đủ.
- Sản xuất hoặc kinh doanh sợi amiăng không bao bọc. Khoản này không áp dụng cho việc mua và sử dụng tấm xi măng amiăng ngoại quan có hàm lượng amiăng nhỏ hơn 20%.
- Giăng lưới đánh bắt trong môi trường biển sử dụng lưới vượt quá 2,5 km

In addition to complying with the principles of international standards issued by IFC, Techcombank also refuses to grant credit to projects that have adverse effects on society and the environment, as well as to the business sectors and business lines prohibited by the Vietnamese law:

Section 1. List of business areas and investment projects that Techcombank does not finance according to IFC principles

- Production or trade in any product or activity deemed illegal under host country laws or regulations or international conventions and agreements, or subject to international embargo, such as pharmaceuticals, pesticides/herbicides, ozone-depleting substances, PCBs, wildlife or products governed by CITES.*
- Production or trade in weapons and munitions⁽¹⁾*
- Production or trade in alcoholic beverages (excluding beer and wine)⁽¹⁾*
- Production or trade in tobacco⁽¹⁾*
- Gambling, casinos and equivalent enterprises⁽¹⁾*
- Production or trade in radioactive materials. This does not apply to the purchase of medical equipment, quality control (measurement) equipment and any equipment where IFC considers the radioactive source to be trivial and/or adequately shielded.*
- Production or trade in unbonded asbestos fibers. This does not apply to purchase and use of bonded asbestos cement sheeting where the asbestos content is less than 20%.*

về chiều dài.

9. Sản xuất hoặc hoạt động có sử dụng các hình thức lao động cưỡng ép⁽²⁾ / lao động gây hại trẻ em⁽³⁾.

10. Hoạt động khai thác gỗ vì mục đích thương mại trong rừng ẩm nhiệt đới nguyên sinh.

11. Sản xuất, kinh doanh gỗ và các sản phẩm lâm nghiệp khác không phải từ rừng được kiểm soát.

12. Sản xuất, buôn bán, lưu trữ hoặc vận chuyển một lượng lớn hóa chất nguy hiểm hoặc việc sử dụng hóa chất nguy hiểm ở quy mô thương mại. Các hóa chất độc hại bao gồm xăng, dầu hỏa và các sản phẩm dầu mỏ khác.

13. Sản xuất hoặc hoạt động vi phạm đến đất đai đã có chủ quyền hoặc đang tranh chấp mà không có sự thống nhất bằng văn bản của những người dân bản địa đó.

Chú thích

⁽¹⁾ Không áp dụng đối với việc tài trợ dự án không có sự tham gia đáng kể vào những hoạt động này. “Không có sự tham gia đáng kể” có nghĩa là hoạt động liên quan là hoạt động phụ trợ cho hoạt động chính được tài trợ.

⁽²⁾ Lao động cưỡng ép là tất cả các loại hình lao động hoặc phục vụ không tự nguyện, xuất phát từ việc một cá nhân bị đe dọa bằng vũ lực hoặc bị xử phạt.

⁽³⁾ Lao động gây hại trẻ em là hình thức khai thác sức lao động trẻ em làm việc nhằm kiếm tiền hoặc có nguy cơ gây tổn hại hoặc cản trở việc giáo dục trẻ em, hoặc có hại cho sức khỏe của trẻ, thể chất, tinh thần, đạo đức và sự phát triển xã hội của trẻ.

PCBs: Polychlorinated biphenyls - một nhóm hóa chất có độc tính cao. PCB có thể được tìm thấy trong các máy biến áp điện, tụ điện và thiết bị đóng cắt chứa dầu có niên đại từ năm 1950-1985.

8. *Drift net fishing in the marine environment using nets in excess of 2.5 km. in length.*

9. *Production or activities involving harmful or exploitative forms of forced labor⁽²⁾ /harmful child labor⁽³⁾*

10. *Commercial logging operations for use in primary tropical moist forest*

11. *Production or trade in wood or other forestry products other than from sustainably managed forests*

12. *Production, trade, storage, or transport of significant volumes of hazardous chemicals, or commercial scale usage of hazardous chemicals. Hazardous chemicals include gasoline, kerosene, and other petroleum products.*

13. *Production or activities that impinge on the lands owned, or claimed under adjudication, by Indigenous Peoples, without full documented consent of such peoples.*

Notes:

⁽¹⁾ *This does not apply to project sponsors who are not substantially involved in these activities. “Not substantially involved” means that the activity concerned is ancillary to a project sponsor’s primary operations.*

⁽²⁾ *Forced labor means all work or service, not voluntarily performed, that is extracted from an individual under threat of force or penalty.*

⁽³⁾ *Harmful child labor means the employment of children that is economically exploitive, or is likely to be hazardous to, or to interfere with, the child’s education, or to be harmful to the child’s health, or physical, mental, spiritual, moral, or social development.*

PCBs: Polychlorinated biphenyls - a group of highly toxic chemicals. PCBs are likely to be found in oil-filled electrical transformers, capacitors and switchgear dating from 1950-1985

CITES: Công ước về buôn bán quốc tế các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp. Bộ phận Môi trường hiện có danh sách các loài được liệt kê trong CITIES

Phần 2. Danh mục các lĩnh vực cấm đầu tư theo quy định của Pháp luật Việt Nam

I. Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư

- Sản xuất, chế biến, kinh doanh các chất ma túy.
- Kinh doanh các loại hóa chất, khoáng vật bị cấm;
- Kinh doanh mẫu vật các loài thực vật, động vật hoang dã có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên quy định tại Phụ lục I của Công ước về buôn bán quốc tế các loài thực vật, động vật hoang dã nguy cấp; mẫu vật các loài thực vật rừng, động vật rừng, thủy sản nguy cấp, quý, hiếm Nhóm I có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên;
- Kinh doanh mại dâm;
- Mua, bán người, mô, xác, bộ phận cơ thể người, bào thai người;
- Hoạt động kinh doanh liên quan đến sinh sản vô tính trên người;
- Kinh doanh pháo nổ;
- Kinh doanh dịch vụ đòi nợ.

II. Các ngành, nghề cấm đầu tư ra nước ngoài theo quy định của Luật đầu tư

- Ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Mục I Phụ lục này và các điều ước quốc tế có liên quan.
- Ngành, nghề có công nghệ, sản phẩm thuộc đối tượng cấm xuất khẩu theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại thương.
- Ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh theo quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư.

CITES: Convention on International Trade in Endangered Species of Wild Fauna and Flora. A list of CITIES listed species is available from the Environment Division

Section 2. List of sectors banned from investment under Vietnamese law

I. The business investment activities banned in accordance with Law on investment

- Business in narcotic substances*
- Business in banned chemicals and minerals*
- Business in specimens of wild flora and fauna as specified in Appendix I of the Convention on International Trade in Endangered Species of Wild Fauna and Flora; specimens of rare and/or endangered species of wild fauna and flora in Group I*
- Prostitution business*
- Human trafficking; trade in human tissues, corpses, human organs and human fetuses*
- Business activities pertaining to asexual human reproduction*
- Trade in firecrackers*
- Provision of debt collection services*

II. Business lines banned from outward investment in accordance with the Law on Investment

- Business lines specified in Section I above and relevant international treaties.*
- Business lines with technologies and products banned from export in accordance with the law on foreign trade management.*
- Business lines banned from business investment in accordance with regulations of laws of the host countries.*

III. Các dự án gây phương hại đến di tích lịch sử, văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục Việt Nam

12. Các dự án xây dựng trong khuôn viên của các di tích lịch sử, văn hóa quốc gia; các dự án làm ảnh hưởng xấu đến kiến trúc, cảnh quan của các di tích lịch sử, văn hóa quốc gia.

13. Sản xuất các sản phẩm văn hóa đồi trụy, mê tín dị đoan.

14. Sản xuất đồ chơi nguy hiểm, đồ chơi có hại tới giáo dục nhân cách và sức khỏe của trẻ em hoặc tới an ninh, trật tự và an toàn xã hội.

15. Kinh doanh mại dâm; buôn bán phụ nữ, trẻ em.

16. Thử nghiệm sinh sản vô tính trên người.

IV. Các dự án gây tổn hại đến sức khỏe nhân dân, làm hủy hoại tài nguyên, phá hủy môi trường

17. Sản xuất hóa chất bảng 1 (theo Công ước Quốc tế)

18. Sản xuất thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật bị cấm hoặc không được phép sử dụng tại Việt Nam.

19. Sản xuất các loại thuốc chữa bệnh cho người, các loại vắc-xin, sinh phẩm y tế, mỹ phẩm, hóa chất và chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn chưa được phép sử dụng tại Việt Nam.

20. Các dự án xử lý phế thải độc hại đưa từ bên ngoài vào Việt Nam; sản xuất các loại hóa chất độc hoặc sử dụng các tác nhân độc hại bị cấm theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

V. Các dự án gây tổn hại đến sức khỏe nhân dân, làm hủy hoại tài nguyên, phá hủy môi trường

III. Projects that damage historical and cultural relics, ethics, fine customs and traditions of Vietnam

12. *Construction projects within the premises of national historical and cultural relics; projects that negatively affect the architecture and landscape of the national historical and cultural relics.*

13. *Production of depraved and superstitious cultural products.*

14. *Production of dangerous toys, toys that derail children’s personality shaping and health education or damage social security, order and safety.*

15. *Prostitution business; trafficking of women and children.*

16. *Human cloning testing.*

IV. Projects that harm people’s health, destroy resources, and destroy the environment

17. *Production of Schedule 1 chemicals (according to the International Convention)*

18. *Production of veterinary drugs, pesticides prohibited or not permitted for use in Vietnam.*

19. *Production of medicines for human use, vaccines, biologicals, cosmetics, insecticides and bactericides and preparations not yet permitted for use in Vietnam.*

20. *Projects on treatment of hazardous waste brought from abroad into Vietnam; production of harmful chemicals or use of toxic agents prohibited under international treaties of which Vietnam is a member.*

V. Other investment projects banned from investment as prescribed by law

❖ | Phụ lục III: Các lĩnh vực tác động và ví dụ về chỉ số báo cáo tương ứng

Appendix II: Fields of impact and examples of corresponding report indicators

STT <i>Ordinal Number</i>	Lĩnh vực tác động <i>Green Categories</i>	Các chỉ số báo cáo tương ứng <i>Samples/ Exampes of reporting indicators</i>
1	Năng lượng tái tạo, năng lượng sạch <i>Renewable energy, clean energy</i>	<ul style="list-style-type: none"> Số Kilowatt-giờ (kWh) năng lượng được tạo ra từ năng lượng tái tạo hàng năm theo loại; <i>Kilowatt-hour (kWh) of energy annually generated from renewable energy by type;</i> Công suất lắp đặt của dự án năng lượng tái tạo; <i>Installed capacity of renewable energy projects;</i> Lượng khí nhà kính (GHG) giảm/tránh được hàng năm tính bằng tấn trên mỗi CO2 tương đương (tCO2e); <i>The amount of greenhouse gas (GHG) reduced/avoided annually in tonnes per CO2 equivalent (tCO2e);</i> Số lượng người/doanh nghiệp được tiếp cận sử dụng năng lượng sạch và năng lượng có giá cả phải chăng; <i>Number of people/enterprises having access to clean energy and affordable energy.</i>
2	Công nghiệp xanh <i>Green Industry</i>	<ul style="list-style-type: none"> Năng lượng tiết kiệm được hàng năm (tính bằng kWh) từ việc cải thiện hiệu quả năng lượng trong quy trình công nghiệp; <i>Annual energy savings (in kWh) from improving energy efficiency in industrial processes;</i> Số lượng cơ sở chuyên sản xuất các thiết bị và dụng cụ tiết kiệm năng lượng <i>Number of manufacturers of energy-saving appliances and tools</i> Lượng khí nhà kính (GHG) giảm/tránh được khi áp dụng các máy móc thiết bị công nghiệp xanh tính bằng tấn trên mỗi CO2 tương đương (tCO2e); <i>The amount of greenhouse gas (GHG) reduced/avoided annually in tonnes per CO2 equivalent (tCO2e) when applying green industrial equipments;</i>
3	Cung cấp các dịch vụ bảo vệ môi trường, tiết kiệm tài nguyên <i>Provision of services for protection of environment and resources</i>	<ul style="list-style-type: none"> Lượng năng lượng tiết kiệm được hàng năm (tính bằng kWh); <i>Annual energy savings (in kWh);</i> Lượng khí CO2 hoặc các khí nhà kính (KNK) GHG khác (tính bằng tấn) giảm thiểu được <i>Reduced amount of CO2 or other GHG (in tonnes)</i>
4	Giao thông bền vững <i>Sustainable transportation</i>	<ul style="list-style-type: none"> Ước tính giảm mức tiêu thụ nhiên liệu; <i>Estimated fuel consumption reduction;</i> Lượng phát thải KNK tiết kiệm được, tính bằng tấn carbon dioxide tương đương (tCO2e) hàng năm. <i>Economic emissions savings, in tonnes of equivalent carbon dioxide (tCO2e) annually.</i> Số lượng phương tiện giao thông bền vững được sản xuất, kinh doanh và sử dụng hàng năm (Tính bằng số phương tiện); <i>Number of green vehicles manufactured, sold, and used annually (in number of vehicles)</i> Số lượng công trình phục vụ giao thông bền vững được sản xuất, xây dựng và lắp đặt hàng năm ví dụ như số lượng trạm sạc xe điện (Tính bằng số công trình) <i>Number of sustainable transport projects produced and implemented annually, e.g., electric vehicles charging stations (in number of projects)</i>

STT Ordinal Number	Lĩnh vực tác động Green Categories	Các chỉ số báo cáo tương ứng Samples/ Exampes of reporting indicators
5	Công trình xây dựng xanh <i>Green buildings</i>	<ul style="list-style-type: none"> Cải thiện chứng nhận công trình xanh; <ul style="list-style-type: none"> <i>Improvement of green building certification;</i> Đất đã được xử lý/ khử nhiễm/ tái sinh (tính bằng ha hoặc m2); <ul style="list-style-type: none"> <i>Treated/decontaminated/recycled land (in ha or m2);</i> Chất thải xây dựng được tái sử dụng hoặc tái chế (tính bằng tấn) mỗi năm. <ul style="list-style-type: none"> <i>Construction waste is reused or recycled (in tonnes) every year</i> Thông tin về chứng chỉ xanh trong nước và quốc tế đáp ứng được. <ul style="list-style-type: none"> <i>Information about obtainable local and international green certificates.</i>
6	Nông nghiệp xanh <i>Green agriculture</i>	<ul style="list-style-type: none"> Tăng năng suất hàng năm (tấn/ha); <ul style="list-style-type: none"> <i>Increased annual productivity (tonnes/ha);</i> Tăng cường áp dụng việc thực hành nông nghiệp tốt (VD: kỹ thuật nông nghiệp trồng hoa màu mà không làm xáo trộn đất thông qua cày/ làm đất) (ha hoặc % diện tích); <ul style="list-style-type: none"> <i>Increased adoption of healthy agricultural practices (e.g. agricultural techniques to plant crops without disturbing the soil through ploughing/ tillage) (in ha or % of area);</i> Giảm việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật (kg hoạt chất trên 1 ha/năm). <ul style="list-style-type: none"> <i>Reduced use of pesticides (kg of active ingredients per ha/year)</i> Tỷ lệ giống cây trồng đạt tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, hoặc các chứng chỉ hữu cơ khác. <ul style="list-style-type: none"> <i>Percentage of plant varieties meeting VietGAP, GlobalGAP, or other organic certification standards.</i>
7	Lâm nghiệp bền vững <i>Sustainable forestry</i>	<ul style="list-style-type: none"> Diện tích đất rừng được chứng nhận đất rừng môi trường bền vững (tính bằng ha hoặc % tổng diện tích); <ul style="list-style-type: none"> <i>Forest land area to be certified as sustainable environmental forest land (in ha or % of total area);</i> Số lượng nhân sự trong ngành lâm nghiệp được đào tạo về bảo tồn đa dạng sinh học. <ul style="list-style-type: none"> <i>The number of people in forestry who have had biodiversity training.</i>
8	Quản lý nước bền vững tại khu vực đô thị và nông thôn <i>Sustainable Water Management in Urban and Rural Areas</i>	<ul style="list-style-type: none"> Giảm lượng nước được sử dụng (tính bằng %); <ul style="list-style-type: none"> <i>Reduced water usage (in %);</i> Số lượng người được tiếp cận với nước uống sạch thông qua hạ tầng hỗ trợ sử dụng nước bền vững và hiệu quả; <ul style="list-style-type: none"> <i>Number of people having access to clean drinking water through support infrastructure for sustainable and effective use of water;</i> Khu vực được thực hiện quản lý tài nguyên nước bền vững. <ul style="list-style-type: none"> <i>Area implementing sustainable water resources management.</i>

STT Ordinal Number	Lĩnh vực tác động Green Categories	Các chỉ số báo cáo tương ứng Samples/ Exampes of reporting indicators
9	Xử lý chất thải và phòng chống ô nhiễm <i>Waste treatment and pollution prevention</i>	<ul style="list-style-type: none"> Lượng khí CO2 hoặc các KNK GHG khác (tính bằng tấn) giảm thiểu được; <ul style="list-style-type: none"> <i>Reduced CO2 or other GHG emissions (in tonnes);</i> Năng lượng sản xuất ra hàng năm từ chất thải không thể tái chế trong các dự án sản xuất năng lượng/điện từ rác thải (tính bằng MWh/GWh đối với điện năng và GJ/ TJ đối với các loại năng lượng khác); <ul style="list-style-type: none"> <i>Energy produced annually from non-recyclable waste in waste power generation projects (in MWh/GWh for electricity and GJ/TJ for other types of energy);</i> Tổng lượng chất thải tuyệt đối hàng năm được phân loại và/hoặc thu gom, và xử lý (bao gồm cả phân trộn) hoặc thải bỏ (tính bằng tấn mỗi năm và tính theo % tổng lượng chất thải). <ul style="list-style-type: none"> <i>Total annual absolute waste volume sorted and/or collected, and processed (including compost) or discarded (in tonnes per year and in % of total waste volume).</i>
10	Bảo vệ môi trường thiên nhiên, khôi phục sinh thái và phòng chống thiên tai <i>Natural environment protection, ecological restoration and prevention of natural disasters</i>	<ul style="list-style-type: none"> Duy trì/ bảo vệ/ tăng diện tích cảnh quan tự nhiên (bao gồm cả rừng) tính bằng km² và tính theo % tăng lên; <ul style="list-style-type: none"> <i>Maintain/protect/increase area of natural landscape (including forests) in km2 and in % of increase;</i> Duy trì/bảo vệ/ tăng diện tích cảnh quan tự nhiên tại khu vực thành thị tính bằng km² và tính theo % tăng lên. <ul style="list-style-type: none"> <i>Maintain/protect/increase the area of natural landscape in urban areas in km2 and in % of increase</i>
11	Tái chế, tái sử dụng các nguồn tài nguyên <i>Recycling and reuse of resources</i>	<ul style="list-style-type: none"> Rác thải được ngăn chặn, giảm thiểu, tái sử dụng hoặc tái chế trước và sau dự án tính theo % tổng lượng chất thải và/ hoặc số lượng tuyệt đối tính bằng tấn mỗi năm; <ul style="list-style-type: none"> <i>Waste prevented, minimized, reused or recycled before and after the project in % of total waste volume and / or absolute quantity in tonnes per year;</i> Tỷ trọng vật liệu tuần hoàn được sản xuất tăng lên theo % tổng sản lượng vật liệu của dự án. <ul style="list-style-type: none"> <i>The proportion of cyclic material produced increases with % of total project material output.</i>

